



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016



THANH CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỆT MAY ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

"CHO THÀNH CÔNG CỦA BẠN"

Thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị

Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, cùng

toàn thể cán bộ nhân viên

Tiếp nối năm 2015 khi nền kinh tế Việt Nam đang bắt đầu đi vào ổn định là một năm 2016 trong giai đoạn điều chỉnh với biến chuyển tích cực tăng trưởng kinh tế ở mức cao và cán cân thương mại dần chuyển sang thặng dư. Tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ổn định ở mức cao nhất trong những năm gần đây.

Trong khi đó, nền kinh tế thế giới đang trải qua những biến đổi lớn, phức tạp khi nền kinh tế đầu tàu Trung Quốc đang phát triển ngày càng chậm lại, biến động giá dầu thô khó lường do nguồn cung dư thừa lớn, và tình hình kinh doanh trên thế giới nói chung đang ngày càng biến động hơn. Nước Mỹ có tổng thống mới theo đường lối bảo hộ kinh tế nội địa, nước Anh có khả năng tách khỏi liên minh Châu Âu, và rủi ro nợ tín dụng ở một số nước phát triển là những yếu tố rủi ro lớn mà Công ty cần nghiên cứu kỹ lưỡng.

Trong năm 2016, bên cạnh những tin vui khi kinh tế Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu và rộng với các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định thương mại Việt Nam và liên minh kinh tế Á Âu (EAEU), Hiệp định thương mại Việt Nam - EU (EVFTA), nhưng đi liền với đó là yếu tố cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các quốc gia trong khu vực, và sự đổ vỡ của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Đây là những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến Ngành dệt may Việt Nam.

Nếu hiệp định TPP được thông qua, tăng trưởng dệt may của Việt Nam có thể lên đến hai con số, tuy nhiên hiện nay khi hiệp định

có nguy cơ bị đổ vỡ cũng lại là cơ hội cho các Doanh nghiệp Việt Nam có thời gian để chuẩn bị đủ điều kiện quản lý, năng lực cạnh tranh và tự tin hội nhập vào các Hiệp định thương mại tự do ..., nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu thị trường thế giới, trong đó có thị trường Hoa Kỳ, bởi vì nước Mỹ hàng năm nhập khẩu hơn 10 tỉ đô la các mặt hàng dệt may, và hiện tại cũng chưa có khả năng thay thế ngay toàn bộ các nhà cung cấp quốc tế bằng nhà cung cấp nội địa. Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam còn có những thị trường rộng lớn khác là thị trường Châu Âu với Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Châu Âu sẽ có hiệu lực vào năm 2018 và hiệp định Thương mại liên minh thuế quan Nga - Belarus - Kazakhtan; thị trường Nhật Bản với FTA Việt Nam - Nhật Bản; Trung Quốc với hiệp định thương mại ASEAN - Trung Quốc; thị trường Hàn Quốc với hiệp định FTA Việt Nam - Hàn Quốc ...

Trong những năm qua, với mục tiêu đem lại lợi ích lớn nhất cho cổ đông, người lao động và cộng đồng, cán bộ công nhân viên của Công ty đã thực sự nỗ lực không ngừng nghỉ, từng bước đưa Công ty trở thành một Thành Công lớn mạnh như ngày nay. Với truyền thống tốt đẹp đó, tôi tin rằng trong năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục đạt được kỳ vọng của nhà đầu tư, đạt được những đỉnh cao chói lọi trong năm 2017 này.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHAN THỊ HUỆ



CHIA SẺ TẦM NHÌN, KHAO KHÁT THÀNH CÔNG

Trong suốt bốn thập kỷ hoạt động, Thành Công luôn nỗ lực tạo dựng mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các đối tác trên cơ sở mang lại lợi ích song phương, không ngừng phát triển hoạt động kinh doanh của mình, mang đến cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất.

MỤC LỤC

Tình hình sản xuất kinh doanh của TCM trong năm 2016 gặp không ít khó khăn khi cạnh tranh trong ngành diễn ra rất khốc liệt, đồng VND ổn định trong khi những đồng tiền khác bị phá giá mạnh, nhà máy mới đi vào hoạt động vẫn chưa thực sự hiệu quả. Thế nhưng trước những khó khăn đó, kết quả trong năm 2016 của Công ty vẫn rất đáng được ghi nhận. Mời quý Cổ đông đánh giá tình hình hoạt động của Công ty theo mục lục dưới đây

Thông tin chung	07
Thông tin khái quát	08
Định hướng phát triển	13
Yếu tố rủi ro	18
Tình hình hoạt động trong năm	26
Tình hình hoạt động	28
Cơ cấu cổ đông	40
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	44
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	46
Báo cáo của Hội đồng quản trị	56
Báo cáo quản trị Công ty	70
Báo cáo phát triển bền vững	86
Báo cáo tài chính	106





01 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ
BỘ MÁY QUẢN LÝ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Tên giao dịch đầy đủ là Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương mại Thành Công, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301446221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 17 tháng 11 năm 2015, cấp lần đầu số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006. Trụ sở chính đặt tại địa chỉ: 36 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 491.999.510.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 491.999.510.000 đồng

Số điện thoại: (84-8) 3815 3962 - 3815 4001

Số fax: (84-8) 3815 2757 - 3815 4008

Website: www.thanhcong.com.vn

Mã chứng khoán: TCM

Niêm yết tại: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



T.M NHÌN

Chúng tôi nhận thấy... bằng cách làm việc sáng tạo từng ngày, chúng tôi đóng góp cho xã hội đồng thời phát triển con người và kinh doanh trên nền tảng tri thức và tính chính trực



SỰ MỆNH

CHÚNG TÔI LÀM VIỆC CHO

Khách hàng bằng cách mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.

Nhà đầu tư bằng cách mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư tin tưởng vào tri thức và tính chính trực của chúng tôi.

Nhân viên bằng cách mang đến sự tự tin trong cuộc sống cho nhân viên thông qua sự đóng góp đầy ý nghĩa của họ.

Nhà cung cấp bằng cách mang đến sự hài lòng cho nhà cung cấp qua các giao dịch công bằng và minh bạch



GIÁ TRỊ

CHÚNG TÔI LÀM VIỆC ĐỂ

Duy trì lợi nhuận bền vững cho nhà đầu tư cũng như nâng cao vị thế của Công ty

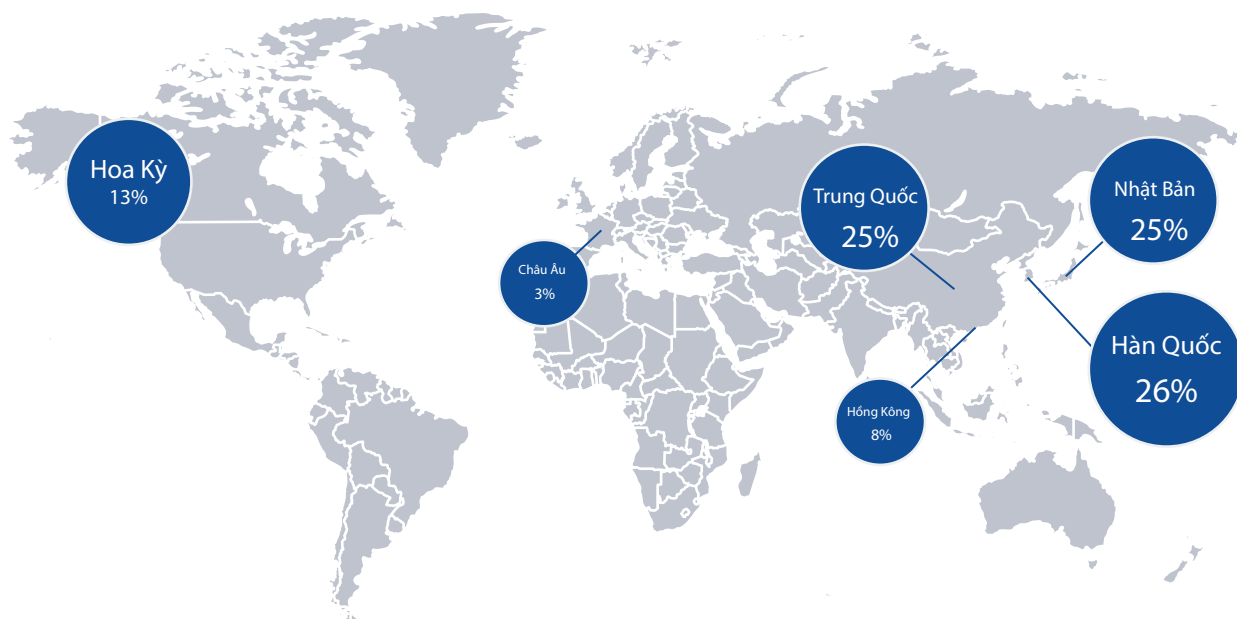
Duy trì tính chính trực trong môi trường kinh doanh

Duy trì sự học hỏi bởi nơi làm việc cũng là trường học về tri thức và nhân cách

Phục vụ bởi sự phục vụ Khách hàng như thương đế, cộng đồng như gia đình

ĐỊA BÀN KINH DOANH

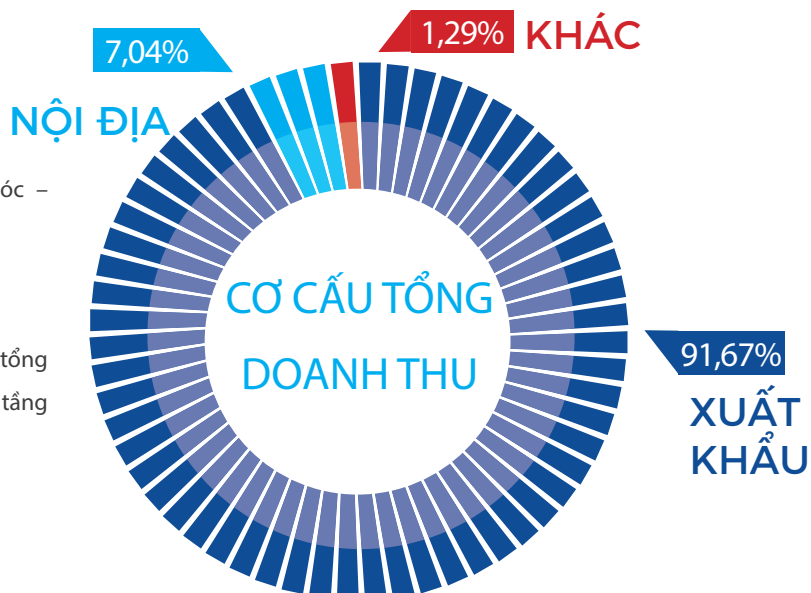
Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu, Hàn Quốc và Trung Quốc



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may;
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh – thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ đồ uống, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.



LỊCH SỬ 40 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1967 - 1975

Những ngày đầu thành lập

Là một xí nghiệp dệt tư nhân quy mô nhỏ mang tên “Tái Thành Kỹ nghệ Dệt” với hai ngành sản xuất chính là Dệt và Nhuộm

Số lượng lao động: 500 người

Sản phẩm chủ lực: Oxford , Poly Soir, Sanderep,... được tiêu thụ chủ yếu tại Thị trường miền Nam và Campuchia

1976 - 1985

Nỗ lực để tồn tại

Được Nhà nước tiếp quản và đổi tên thành Nhà máy Dệt Thành Công trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Dệt — Bộ Công nghiệp nhẹ

Đề xuất và thực hiện thành công mô hình Xuất khẩu Tam Giác. Đến năm 1985, Thành Công đã xuất khẩu được 8,3 triệu mét vải, doanh số đạt 83,6 triệu đồng (tương đương 21 triệu USD).

Là một trong những đơn vị đầu tiên thực hiện thử nghiệm mô hình sản xuất kinh doanh gắn với kinh tế thị trường, Thành Công đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, kinh tế đất nước.

1986 - 2005

Đầu tư để phát triển

Năm 1986, Tạo ra bước đột phá trong kinh doanh và đầu tư thông qua việc máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại, thức tự vay tự trả.

Năm 1992, Tiếp nhận xí nghiệp đầu tư, thay thế toàn bộ thiết bị dây chuyền sản xuất mới hiện đại, triệu USD, công suất 2.000 tấn/năm

Giai đoạn 1986 - 1996, Tổng vốn khoảng hơn 55 triệu USD, tăng năng động và nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu đến nhiều quốc gia, giới đặc biệt thị trường châu Âu.

Giai đoạn 1997- 1999, Tiến hành đổi mới như đổi mới đội ngũ nhân sự, phong cách và phương pháp làm việc, động kinh doanh tiếp thị cũng như quản lý chi phí.

ks & Together



2006 - 2012

2013 - 2017

tiền

ng cơ chế sản xuất
tự trang bị các
đại theo phương

o sợi Khánh Hội,
cũ lạc hậu bằng
đại trị giá gần 4
t.

uồn đầu tư vào
g năng suất lao
n phẩm, chuyển
gia lớn trên thế

h cải cách toàn
ự, đổi mới về tác
c, đổi mới hoạt
như tập trung

Đổi mới để hội nhập và tăng trưởng

Giai đoạn 2006 - 2009, tiến hành cổ phần hóa và niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TCM. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Công ty E-land Asia Holdings (Singapore) thuộc Tập đoàn E-Land Hàn Quốc. Tập đoàn E-Land sau đó đã tham gia vào hoạt động quản lý công ty.

Giai đoạn 2010 - 2012, Triển khai ứng dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại như hệ thống Lean trong sản xuất, hệ thống ERP, BSC trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, kiểm soát chất lượng sản phẩm, chi phí sản xuất và cải tiến hiệu suất thông qua TFT (Task Force Team). Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tương lai. Đầu tư thêm thiết bị cho nhà máy sợi 4, nhà máy đan kim để tăng năng lực sản xuất. Mở rộng thị trường xuất khẩu sang Hàn Quốc và gia tăng tỉ lệ đơn hàng FOB.

Ổn định và tăng trưởng

Năm 2013, Xây dựng nhà máy đan kim mới tại cụm công nghiệp Nhị Xuân.

Năm 2014, Nhận giấy chứng nhận đầu tư và thành lập công ty TNHH Thành Công Tower.

Năm 2015, Xây dựng nhà máy Thành Công Vĩnh Long và thành lập công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long, thành lập Công ty con - công ty TNHH MTV TC E.Land

Năm 2016

Trong Tháng 6, Ngành Đan hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Xưởng Đan kim số 4, diện tích 3.600m2, sản lượng thiết kế 4.800 tấn vải/năm. Xưởng này chủ yếu sản xuất đơn hàng single cài Spandex và Double cài spandex, chất lượng vải đàn hồi tốt hơn vải thông thường.

Trong Tháng 8, Kỷ niệm 40 năm thành lập (16/8/1976 – 16/8/2016) với chủ đề “Cảm ơn vì đã đồng hành” cùng Thành Công. Công ty cam kết luôn phấn đấu, lao động sáng tạo hơn nữa để giữ vững thương hiệu, uy tín, sự tin tưởng, yêu quý của quý khách hàng, đối tác, cơ quan hữu quan và quyết tâm hiện thực hóa tầm nhìn trở thành công ty dệt may số một toàn cầu.

Trong Tháng 10, Ngành Dệt hoàn tất việc đầu tư bổ sung 55 máy dệt mới, tăng sản lượng thêm 6.600.000 mét vải dệt/năm.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

Năm 2016, Công ty tiếp tục được Forbes Việt Nam đánh giá là một trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất tại Thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây là một niềm vinh hạnh to lớn của Công ty, góp phần khẳng định thương hiệu, chất lượng quản trị doanh nghiệp, nguồn gốc lợi nhuận và triển vọng phát triển bền vững trong tương lai.



NĂM 2016, Công ty còn vinh dự đón nhận những giải thưởng, bằng khen cao quý từ các tổ chức, đối tác kinh doanh, cơ quan đoàn thể vì những cố gắng của mình, trong đó nổi bật lên là: Giải thưởng Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2016; Giải thưởng về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng của khách hàng Eddie Bauer; Giải thưởng doanh nghiệp vì Người lao động; Bằng khen thực hiện tốt Bộ Luật lao động năm 2015 & 2016; Chứng nhận sản phẩm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với tầm nhìn Thành Công sẽ trở thành công ty dệt may số một toàn cầu về sản phẩm dệt may thời trang, Công ty xác định định hướng hoạt động như sau:

Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi dệt - may bằng việc nâng cao năng lực sản xuất; đa dạng hóa sản phẩm chính: sợi, vải, sản phẩm may; nâng cao chất lượng sản phẩm; cải tiến tốc độ giao hàng; quản lý chi phí sản xuất; đào tạo và phát triển lực lượng nhân sự kế thừa.

Khai thác quỹ đất hiện có để phát triển dự án bất động sản nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

CHIẾN LƯỢC TRUNG HẠN

Tối ưu hoá quy trình sản xuất khép kín hiện nay thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, áp dụng hệ thống ERP trong việc quản lý toàn bộ quy trình sản xuất. Công ty sẽ tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt. Đồng thời Công ty sẽ phát triển thêm sản phẩm sử dụng sợi nhân tạo bên cạnh sợi cotton truyền thống. Công ty sẽ tập trung chuẩn bị để nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại quốc tế một cách tốt nhất. Đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ kinh doanh để phát triển đơn hàng mới nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng doanh số phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty.

CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN

Tiếp tục phát huy lợi thế của hệ thống sản xuất khép kín, Công ty sẽ chuyển sang sản xuất các sản phẩm thời trang với kỳ vọng sẽ gia tăng giá trị cao hơn sản phẩm truyền thống. Cải tiến năng lực nghiên cứu và phát triển hiện nay để đáp ứng yêu cầu thiết kế và tự sản xuất sản phẩm cho người tiêu dùng

Phát triển các dự án BĐS ngay sau khi thị trường có dấu hiệu hồi phục



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
2. Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động; cấp học bổng cho con em các gia đình khó khăn ở địa phương
3. Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty.
4. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội tại Công ty như: Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.
5. Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và chịu sự điều chỉnh của các qui định pháp luật liên quan



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông



BAN ĐIỀU HÀNH

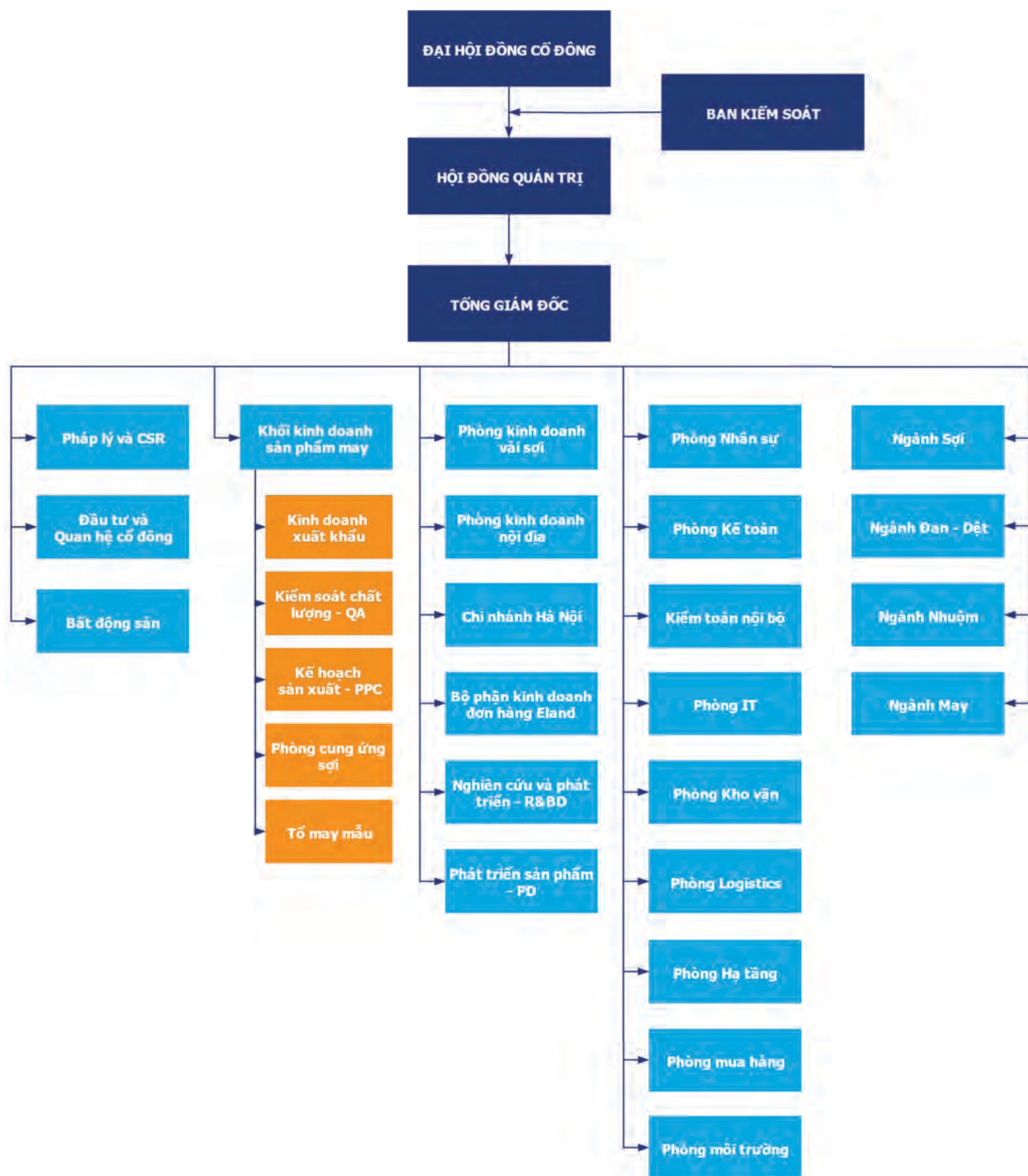
Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao



BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH



CÔNG TY CON

CTCP Trung tâm Y khoa Thành Công, trụ sở đặt tại 36 Tây Thạnh, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM. Vốn TCM góp 15,395 tỷ đồng, tương đương 70,94% vốn điều lệ. Cung cấp dịch vụ y tế khám chữa bệnh- Phòng khám đa khoa, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế.

CTCP Thành Quang, trụ sở đặt tại Ấp Đức Hạnh, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Vốn TCM góp 21,450 tỷ đồng, tương đương 97,50% vốn điều lệ. Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán sợi.

Công ty TNHH MTV Thành Công - Vĩnh Long, trụ sở đặt tại Lô II-4, Khu công nghiệp Hòa Phú (giai đoạn 2), ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vốn TCM góp 94,483 tỷ đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, xơ sợi, quần áo, hàng may mặc, giày dép và máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may.

Công ty TNHH TC Tower, trụ sở tại 37 Tây Thạnh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM, Vốn góp của TCM 123,320 tỷ đồng, tương đương 85,53%, hoạt động kinh doanh bất động sản.

Công ty TNHH TC Eland, vốn góp của TCM 3,000 tỷ đồng, tương đương 100%, hoạt động kinh doanh sản phẩm may.



07.

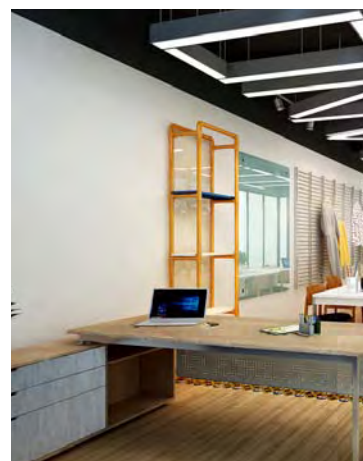
1. Đội ngũ Bác sỹ tại CTCP Trung Tâm Y Khoa Thành Công
2. Xét nghiệm máu tại CTCP Trung Tâm Y Khoa Thành Công
3. Siêu âm tại CTCP Trung Tâm Y Khoa Thành Công
4. Khu Văn phòng Công ty TNHH TC Eland
5. Khu Văn phòng Công ty TNHH TC Eland
6. Phác thảo dự án của Công ty TNHH TC Tower
7. Phác thảo dự án của Công ty TNHH TC Tower
8. Phác thảo dự án của Công ty TNHH TC Tower



08.



06.





01.



02.



03.



04.



05.

CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP Chứng khoán Thành Công, trụ sở đặt tại Lầu 5, Số 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP.HCM, vốn TCM góp 89,117 tỷ đồng, tương đương 24,75% vốn điều lệ, Môi giới, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành và tư vấn đầu tư chứng khoán

CTCP Thành Chí, trụ sở đặt tại 37 Đường 3/2, Thành phố Vũng Tàu, vốn TCM góp 20,819 tỷ đồng, tương đương 47,43% vốn điều lệ, Mua bán và khai thác cát đá.

CTCP Đầu tư Xây dựng Thành Phúc, trụ sở đặt tại 36 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, vốn TCM góp 1,665 tỷ đồng, tương đương 23,79% vốn điều lệ, Xây dựng và quản lý dự án

CTCP Du lịch Golf Vũng Tàu, trụ sở đặt tại Số 1 Nguyễn Du, Phường 1, Thành phố BRVT, Tỉnh Vũng Tàu, Vốn TCM góp 8,700 tỷ đồng, tương đương 30% vốn điều lệ, Cung cấp dịch vụ du lịch và giải trí.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Tiền thân là Hãng Tái Thành Kỹ nghệ Dệt thành lập năm 1967, sau gần 50 năm phát triển, sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty và tập thể Cán bộ Công nhân viên đã gặt hái được thành công to lớn như tên gọi của mình, với định hướng chiến lược phát triển cụ thể hợp lý, cùng bộ máy nhân sự vững mạnh, Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công luôn chủ động đưa ra các giải pháp chính sách phòng ngừa rủi ro ảnh hưởng xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng lớn đến ngành hàng tiêu dùng bởi nhu cầu mặt hàng may mặc phụ thuộc khá lớn vào thu nhập của người tiêu dùng. Trong năm 2016, Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, ước ở mức 3,1% và giảm 0,1% so với năm 2015. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm tốc, xuống mức 2,3% và nhu cầu của người tiêu dùng cũng vì vậy mà suy giảm theo.

Các nền kinh tế phát triển suy giảm năng suất do các vấn đề địa chính trị, già hóa dân số và dư địa của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển suy giảm tốc độ tăng trưởng do giá hàng hóa thế giới giảm. Nguyên nhân quan trọng là do sự chuyển đổi tỷ trọng nền kinh tế Trung Quốc từ nền kinh tế định hướng xuất khẩu và đầu tư sang nền kinh tế phụ thuộc lớn hơn vào chi tiêu tiêu

dùng, dẫn đến suy giảm nhu cầu hàng hóa phục vụ đầu tư và hàng hóa trung gian. Ngoài ra, xu hướng già hóa dân số cũng khiến cho vai trò của thương mại đối với tăng trưởng có chiều hướng giảm.

Năm 2017, kinh tế thế giới được dự báo cải thiện so với năm 2016 nhờ giá hàng hóa phục hồi. Cơ quan năng lượng Hoa Kỳ (EIA) dự báo giá dầu WTI năm 2017 là 50,66 USD/thùng, cao hơn mức 43,07 USD/thùng của năm 2016. Ngân hàng thế giới (WB) dự báo giá hàng hóa phi năng lượng sẽ tăng 2% trong năm 2017. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) (WEO, 10/2016) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 ở mức 3,4% (so với 3,1% năm 2016), tăng trưởng thương mại toàn cầu ở mức 3,8% (so với 2,3% năm 2016).

Tuy nhiên, kinh tế thế giới sẽ đối mặt với nhiều yếu tố bất định trong năm 2017:

- Bất ổn chính trị (trong đó có bất ổn do sự kiện Brexit và những thay đổi chính sách của Tổng thống Mỹ mới đắc cử Donald Trump);
- Các nền kinh tế phát triển rơi vào bẫy lạm phát thấp;
- Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, nợ và nợ xấu tăng cao;
- Thiên tai, dịch bệnh, xung đột vũ trang khu vực;
- Rủi ro từ hệ thống Ngân hàng thương mại châu Âu (nợ xấu gia tăng, cho vay vào nhiều khu vực có rủi ro cao).

Lãi suất, trong năm 2016, Ngân hàng Nhà Nước cung ứng tiền chủ yếu thông qua việc mua ngoại tệ và mới hút ròng được khoảng hơn 60% tổng lượng tiền cung ứng thông qua thị trường mở. Trước tình hình thanh khoản dồi dào và các yếu tố thuận lợi từ kinh tế vĩ mô, từ cuối tháng 9, lãi suất huy động điều chỉnh giảm 0,3-0,5% ở các kỳ hạn ngắn, lãi suất cho vay cũng đã ghi nhận giảm ở một số ngân hàng với mức lãi suất giảm từ 0,2-0,5% ở các kỳ hạn. Đặc biệt, các NHTM NN lớn đã giảm lãi suất cho vay ngắn hạn 0,5% - 1%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đầu tư và khởi nghiệp, lãi suất đối với 5 nhóm lĩnh vực ưu tiên phát triển của nhà nước như nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp phụ trợ, công nghệ cao về sát mức 6%/năm. Tuy nhiên, mặc dù thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng khá dồi dào, lãi suất có tín hiệu giảm nhưng mặt bằng lãi suất vẫn chưa được như kỳ vọng. Lãi suất huy động và cho vay bình quân toàn thị trường cuối năm giảm so với những tháng trước nhưng vẫn tăng nhẹ so với đầu năm 2015



Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2016 sẽ giảm/tăng: 23.327.464.050 đồng (kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 22.070.975.322 đồng)

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Thị trường ngoại hối trong năm 2016 đã chứng kiến đợt biến động mạnh vào cuối năm 2016, biến động trong thời gian này bị tác động chính bởi lộ trình điều chỉnh chính sách tiền tệ của FED, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ và sự phá giá của các đồng ngoại tệ trong khu vực. Diễn biến tỷ giá có xu hướng đón đầu trước các kỳ vọng chính sách của các nền kinh tế lớn. Do vậy so với thời điểm đầu năm 2016, đồng Việt Nam đã giảm giá khoảng 1,1% đến 1,2% so với đồng Đô la Mỹ.

Biến động tỷ giá khó lường trong năm 2017 sẽ gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp dệt may nói chung và Thành Công nói riêng. Với một doanh nghiệp xuất khẩu là chủ yếu như Dệt may Thành Công thì sự ổn định của tỷ giá là một yếu tố tối quan trọng đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, TCM cũng có công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ khác khá lớn, Tính đến 31/12/2016, công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ theo USD của TCM là 1,075 tỷ đồng

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với đồng USD cho thấy: Nếu tỷ giá đồng USD so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 41.548.985.678 đồng tương ứng – Con số tại thời điểm 31/12/2015 là 42.568.251.730 đồng.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá phát sinh từ các khoản phải thu, khoản phải trả bằng ngoại tệ, Công ty quản lý bằng cách duy trì hợp lý lượng ngoại tệ, và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được tỷ giá có lợi cho Công ty từ các Định chế Tài chính có năng lực.

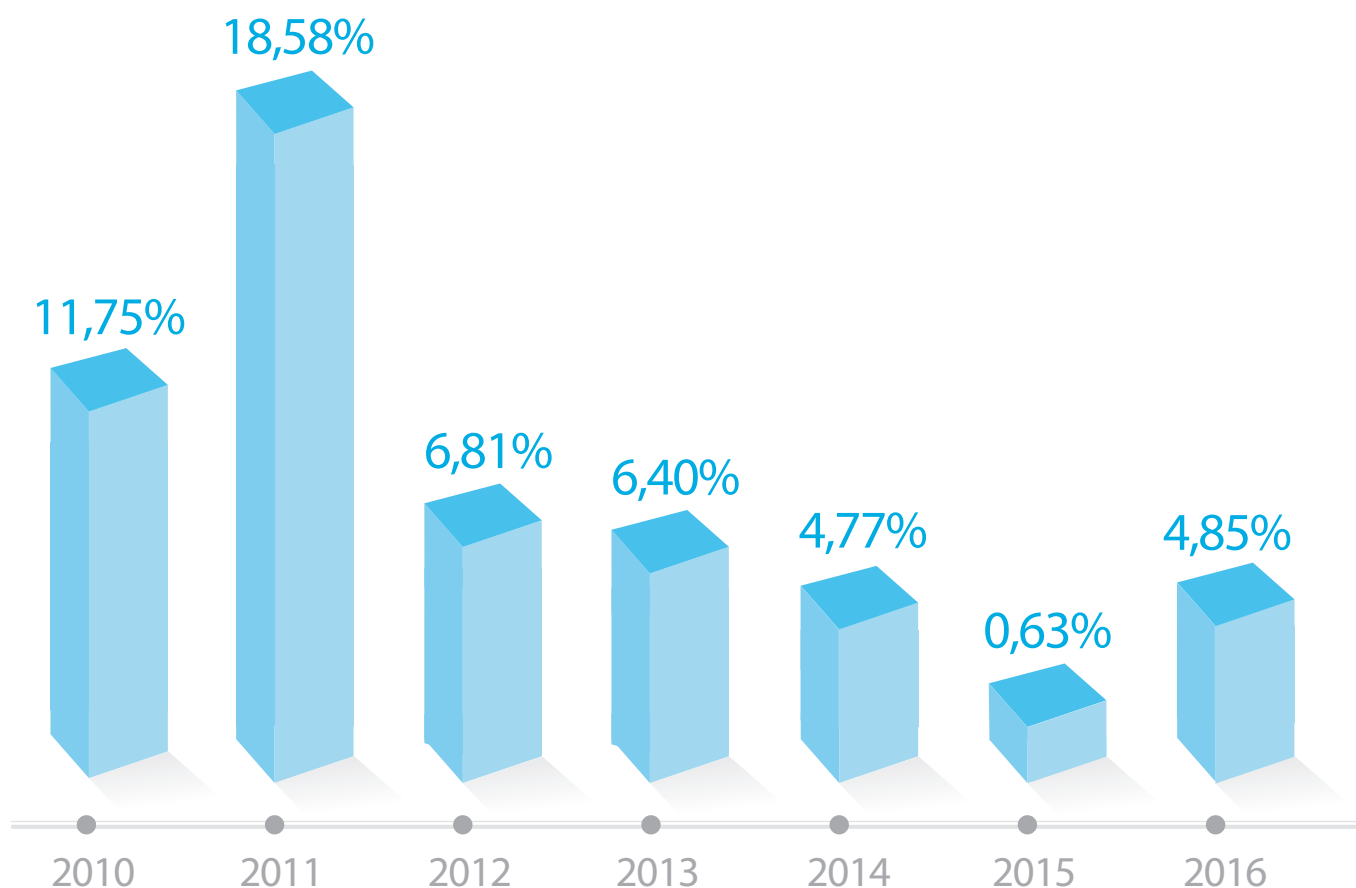
RỦI RO LẠM PHÁT

Lạm phát năm 2016 ước ở mức 4,85%, cao hơn năm 2015 (0,6%) chủ yếu do tăng giá dịch vụ công ích như y tế và giáo dục. Việc điều chỉnh giá dịch vụ công mạnh hơn ước tính làm lạm phát năm 2016 cao hơn năm 2015 khoảng 3 điểm %. Bên cạnh đó, giá nhà ở và vật liệu xây dựng và giá thực phẩm tăng nhanh hơn cũng làm lạm phát tăng so với năm 2015. Ngoài ra, giá xăng dầu không giảm nhiều như trong năm 2015 đã khiến CPI của nhóm giao thông không giảm nhiều như kỳ vọng.

Năm 2017, lạm phát chịu áp lực chủ yếu từ yếu tố giá thế giới, được dự báo tăng trở lại. Số liệu giai đoạn 2010-2016 cho thấy mối quan hệ cùng chiều giữa giá năng lượng thế giới và lạm phát, nhất là từ năm 2013. Yếu tố giá thế giới dự báo làm lạm phát năm 2017 tăng thêm khoảng 2,5 điểm % so với năm 2016 (trong đó, giá năng lượng làm tăng 2,2 điểm %, giá lương thực làm tăng 0,3 điểm %). Tuy nhiên, so với năm 2016 áp lực điều chỉnh giá dịch vụ công trong năm 2017 sẽ giảm. Dự báo lạm phát năm 2017 sẽ phụ thuộc

vào mức độ điều chỉnh giá dịch vụ công theo hai kịch bản sau: (i) giá dịch vụ công không điều chỉnh, lạm phát dự báo ở mức khoảng 4%; (ii) giá dịch vụ công điều chỉnh bằng nửa mức điều chỉnh trong năm 2016, lạm phát dự báo ở mức 5%.

Với việc duy trì mức lạm phát thấp và ổn định, tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty sẽ được cải thiện hơn và có nhiều điều kiện phát triển



“Đảm bảo đời sống của người lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công”



RỦI RO NGUỒN CUNG LAO ĐỘNG

Đặc thù của mảng kinh doanh dệt may là cần nguồn lao động rất lớn, đặc biệt là khâu sản xuất hàng may mặc. Lao động trong ngành ngày càng khan hiếm và có tính cạnh tranh rất cao trên thị trường lao động, do nguồn cung nhân lực không tăng, thời gian đào tạo lao động kéo dài nhiều năm, trong khi nhu cầu tuyển dụng ngày càng tăng do các doanh nghiệp dệt may (FDI, cổ phần, tư nhân) đầu tư mới hoặc mở rộng sản xuất. Sản phẩm của Công ty hướng đến phân khúc tầm trung - cao cấp nên nhân lực chất lượng cao lại càng có vai trò quan trọng.

Công ty chủ động tuyển dụng và đào tạo đội ngũ quản lý, kỹ thuật kế cận thông qua các chương trình quản trị viên tập sự - TSI (Thành Công Strategy Intership) bằng cách tuyển dụng sinh viên năm cuối có thành tích học tập tốt từ các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đào tạo và phát triển từ kinh nghiệm, kỹ năng đến tri thức, đây sẽ là nguồn nhân lực nền tảng cho sự phát triển dài hạn của Công ty. Đồng thời, đối với lực lượng nhân sự hiện tại, Công ty đã và đang triển khai các chương trình đào tạo phát triển từ cán bộ quản lý cấp trung - cao cho đến đội ngũ nhân viên. Phương pháp quản trị tri thức (knowledge management) được Công ty xác định vừa là xu hướng, nhu cầu tất yếu và cơ sở cho chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Để giữ chân người lao động tại Thành Công, Công ty đã nỗ lực nâng cao chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phúc lợi, tạo điều kiện cho các hoạt động chăm sóc tinh thần – thể chất người lao động sau giờ làm như xây dựng phòng tập gym, yoga, tổ chức các lớp khiêu vũ. Bên cạnh đó, sự đồng hành, hỗ trợ rất tích cực của tổ chức Công đoàn các cấp cũng là một yếu tố góp phần ổn định nguồn lao động tại Công ty. Ngoài ra, đại bộ phận người lao động của Thành Công đều là những người làm việc lâu năm tại Công ty nên rủi ro biến động lao động là thấp.

Mặt khác, Chi phí lao động liên tục tăng qua các năm do Nhà nước tăng lương tối thiểu vùng, trong khi giá bán sản phẩm không tăng kịp cũng là một rủi ro lớn. Để khắc phục vấn đề này, Công ty liên tục cải tiến tổ chức, tinh giảm bộ máy gián tiếp, tăng năng suất lao động.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

“Giá nguyên liệu bông sụt giảm, tình trạng các đối thủ cạnh tranh liên tục bán phá giá là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm doanh thu sản phẩm sợi của Thành Công”

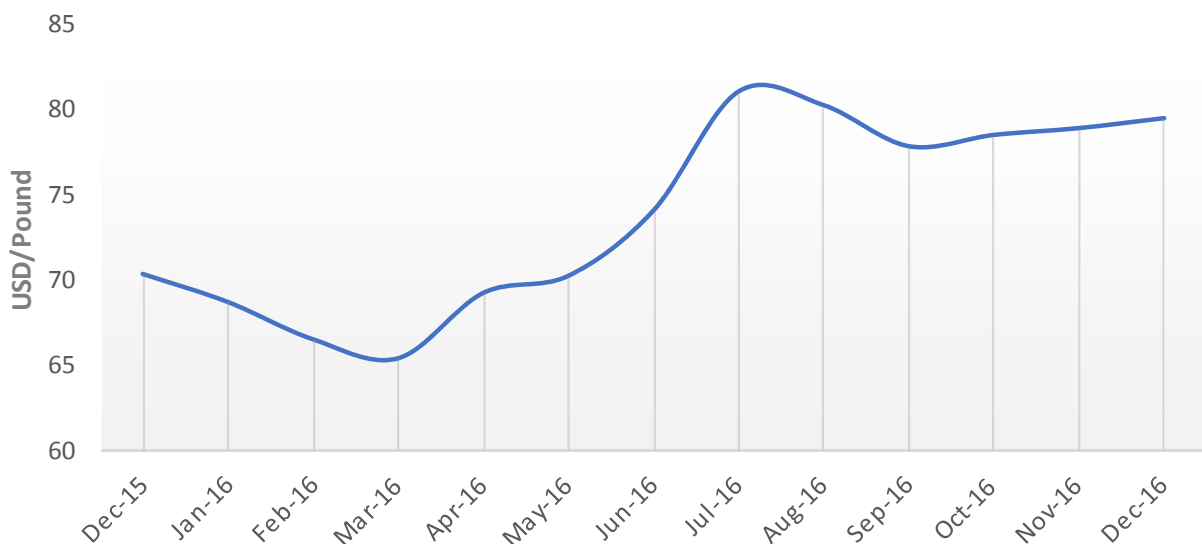
Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam là nguyên liệu nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đủ nguồn cung ứng và/hoặc không đáp ứng được chất lượng. Do vậy, bất kì biến động nào của giá nguyên liệu cũng tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông thường, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 65%-70% trong cơ cấu chi phí của TCM, do vậy tác động rất rõ đến biên lợi nhuận gộp của Công ty

Trong năm 2016, giá bông đã tăng trở lại so với năm 2015. Đây là một yếu tố mà Ban lãnh đạo của Thành Công phải liên tục theo sát vì giá bông có tác động trực tiếp đến giá bán sản phẩm sợi của Công ty, làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

Để giải quyết tình trạng này, Ban điều hành của TCM đã yêu cầu phòng mua hàng có những theo dõi sát sao tình hình nguồn nguyên liệu, thường xuyên đưa ra những dự báo về giá cả, tạo tiền đề để Ban điều hành có những quyết định chính xác, tăng cường lợi nhuận cho Công ty

Nguồn: USDA Market News

Biến động giá bông trong năm 2016



RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Dệt may Thành Công chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Thành Công còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Thành Công cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Dệt may Thành Công còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù của Ngành Dệt may. Trong đó, một số khung pháp lý có tầm ảnh hưởng lớn như:

- Các quy định về bảo vệ môi trường: các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may, hay vấn đề sử dụng lao động... Đặc biệt, trong năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may Việt Nam đến

2020, tầm nhìn đến 2030, theo đó, việc phát triển ngành Dệt may phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường. Như vậy, xu hướng sự điều chỉnh, giám sát của hệ thống pháp lý Việt Nam đang dần trở nên khắt khe, chặt chẽ hơn. Do Thành Công kinh doanh đầy đủ các mảng trong chuỗi sản xuất của ngành dệt may bao gồm sợi, dệt, nhuộm, may mặc nên Công ty cũng phải chú ý hơn trong việc đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra.

- Đối với quốc tế, khi nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, cơ hội đối với ngành dệt may cũng đi kèm với thách thức không hề nhỏ. Do vậy, để đảm bảo nắm bắt cơ hội trong thời gian tới, Thành Công cần có sự nghiên cứu và chuẩn bị thật kỹ lưỡng các vấn đề luật pháp quốc tế để hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được hiệu quả cao nhất.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, chiến tranh, khủng bố... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.





02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh của TCM trong năm 2016 gặp không ít khó khăn khi cạnh tranh trong ngành diễn ra rất khốc liệt, đồng VND ổn định trong khi những đồng tiền khác bị phá giá mạnh, nhà máy mới đi vào hoạt động vẫn chưa thực sự hiệu quả. Thế nhưng trước những khó khăn đó, kết quả trong năm 2016 của Công ty vẫn rất đáng được ghi nhận.

Trong năm 2016, doanh thu thuần của TCM đạt 3.071 tỷ đồng, tăng 9,98% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu trong năm tăng trưởng là do mở rộng thêm hoạt động từ các nhà máy mới được Công ty đầu tư. Chi phí Giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần, tăng đến 12,09% so với năm 2015 do giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao. Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý

doanh nghiệp được Công ty linh động tiết giảm, giữ mức tăng chỉ vào khoảng 5,9% Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của TCM giảm 13,82% so với năm trước, vào khoảng 139.7 tỷ đồng. Ngoài ra trong quý 4 năm 2016. Công ty có ghi nhận giảm 6 tỷ đồng ở mục lợi nhuận khác do xử lý các chi phí liên quan đến dự án TC1 để tiến hành góp vốn vào Công ty TNHH TC Tower. Lợi nhuận trên mỗi cổ phần năm 2016 đạt 1.746 đồng trên mỗi cổ phiếu, giảm 20,24% so với 2015.

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng/Giảm 2016
1	Doanh thu thuần	2.791.895	3.070.604	9,98%
2	Giá vốn hàng bán	2.365.472	2.651.510	12,09%
3	Lợi nhuận gộp	426.423	419.094	-1,72%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	24.131	26.096	8,14%
4	Tổng chi phí	288.472	305.510	5,9%
-	Chi phí hoạt động tài chính	86.883	67.622	-22,17%
-	Chi phí bán hàng	85.894	96.773	12,67%
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	121.189	143.687	18,56%
-	Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh	5.494	2.572	-53,19%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	162.081	139.680	-13,82%
6	Lợi nhuận khác	4.876	-6.404	-231,34%
7	Lợi nhuận trước thuế	166.958	133.276	-20,17%
8	Lợi nhuận sau thuế	153.739	115.038	-25,17%
9	EPS	2.189	1.746	-20,24%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH2016	TH2016/ KH2016
1	Doanh thu	Triệu Đồng	3.263.722	3.070.604	94%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	160.209	115.038	72%



94%

KẾ HOẠCH DOANH THU ĐƯỢC HOÀN THÀNH

Trong năm tài chính 2016, Công ty đã không hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016

Chỉ tiêu doanh thu đạt được 94% so với mục tiêu đề ra



72%

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐƯỢC HOÀN THÀNH

Lợi nhuận sau thuế đạt 115,038 tỷ đồng tức 72% chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG KIM DONG JU
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin cá nhân

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Yonsei

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 1.617 cổ phần chiếm 0.003% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác

Công ty đại chúng : Thành viên BKS CTCP HTKT XNK Savimex

Công ty khác : Thành viên HĐQT CTCP SY Vina

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 4/2015 đến nay: Tổng Giám Đốc CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Từ 2012 - 3/2015: Phó Tổng Giám Đốc CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Từ 2011 - 2012: Giám đốc Kiểm toán nội bộ CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Từ 2007 - 3/2011: Giám đốc điều hành Công ty AMORE COUTURE. INC. LA. Hoa Kỳ

Từ 2005 - 2006: Giám đốc tài chính Công ty DAESUNG AMERICA. INC. Hoa Kỳ

Từ 1998 - 2005: Tổng giám đốc điều hành/ Giám đốc tài chính Công ty E.land Vietnam

Từ 1994 - 2008: Trưởng phòng kế toán Công ty E.land Korea. Hàn Quốc.



BÀ NGUYỄN MINH HẢO KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thông tin cá nhân

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính - Đại học Columbia Southern - Hoa Kỳ (2009)

Cử nhân Tín dụng và Kế toán - Đại học Ngân hàng T.P Hồ Chí Minh (1994)

Cử nhân Anh văn - Đại học Quy Nhơn (2003)

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác

Công ty đại chúng: Trưởng BKS CTCP chứng khoán Thành Công

Công ty khác: Trưởng BKS CTCP SY Vina; Trưởng BKS CTCP Thành Quang

Quá trình công tác

Từ 2010 đến nay: Kế toán trưởng, thành viên HĐQT CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

Từ 6/2009 đến 12/2009: Trưởng phòng đầu tư CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

Từ 9/1995 đến 5/2009: Kế toán trưởng – Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn

Những thay đổi trong ban điều hành

Từ ngày 15/10/2016, ông Kim Soung Gyu xin từ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Công ty, được Hội Đồng Quản Trị chấp thuận theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT ngày 14/10/2016.

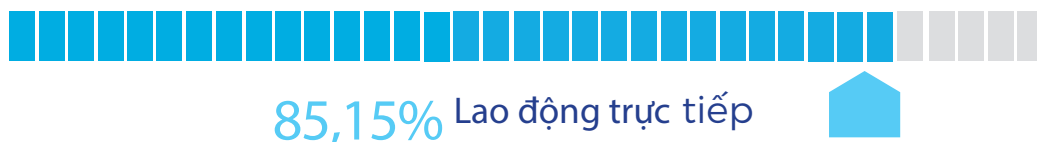
CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tính đến 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty là 5.029 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	(%) Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	5.029	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	289	5.75%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	320	6.36%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	4	0.08%
4	Lao động phổ thông	4.416	87.81%
II	Theo đối tượng lao động	5.029	100%
1	Lao động trực tiếp	4.282	85.15%
2	Lao động gián tiếp	747	14.85%
III	Theo giới tính	5.029	100%
1	Nam	2.186	43.47%
2	Nữ	2.843	56.53%
	Tổng cộng	5.029	100.00%



Tỷ lệ theo đối tượng lao động



Tỷ lệ theo trình độ lao động



5,57% trình độ Đại học và trên Đại học



87,81% Lao động phổ thông



6,36% trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp



0,08% Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật

Một số chính sách đối với người lao động và những thay đổi trong năm 2016:

Thực hiện các chính sách

Đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội.

BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn – bảo hộ lao động.



Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty 16/8,... Đặc biệt, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội thể thao nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty với sự tham gia của trên 3.500 cán bộ công nhân viên.

Các chế độ phúc lợi khác

Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm; Tiền ăn giữa ca;
Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ;
Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm, khám phụ khoa;
Trang bị đồng phục và bảo hộ lao động.

Các khoản trợ cấp khác

Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; xe đưa rước công nhân đi làm việc, trợ cấp tiền xăng, mua bảo hiểm tai nạn ...

Cải thiện điều kiện làm việc cho nhân viên: cải tạo nhà xưởng, văn phòng; đưa vào sử dụng quán café WAY, nhà ăn văn phòng mới, phòng tập Gym, Yoga,...

Cùng với đó, trong năm 2016. Công ty tăng cường đẩy mạnh các nội dung như:

Tập trung và tăng cường các chương trình đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung (đã thực hiện 2 chương trình đào tạo về kỹ năng lãnh đạo cho quản lý cấp trung cao và quản lý cấp trung- hợp tác cùng trường PACE).

Phối hợp cùng Công ty tư vấn nguồn nhân lực BBC thực hiện dự án hoàn thiện và nâng cấp hệ thống đánh giá thành tích nhân viên.

Xây dựng mới hệ thống lương, thưởng, phúc lợi để động viên và nâng cao khả năng thu hút, giữ chân nhân sự giỏi,

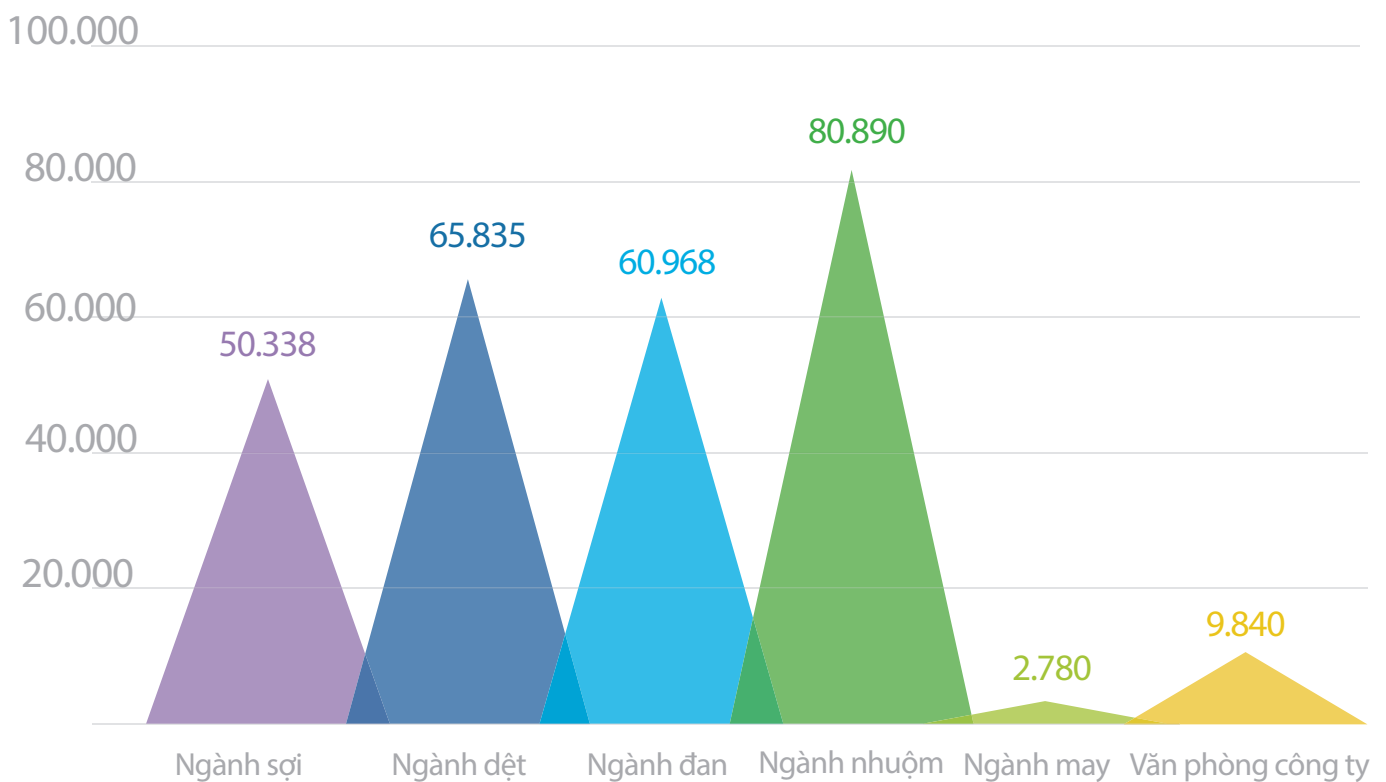
Xây dựng hệ thống nhận diện và phổ biến rộng rãi tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRONG NĂM



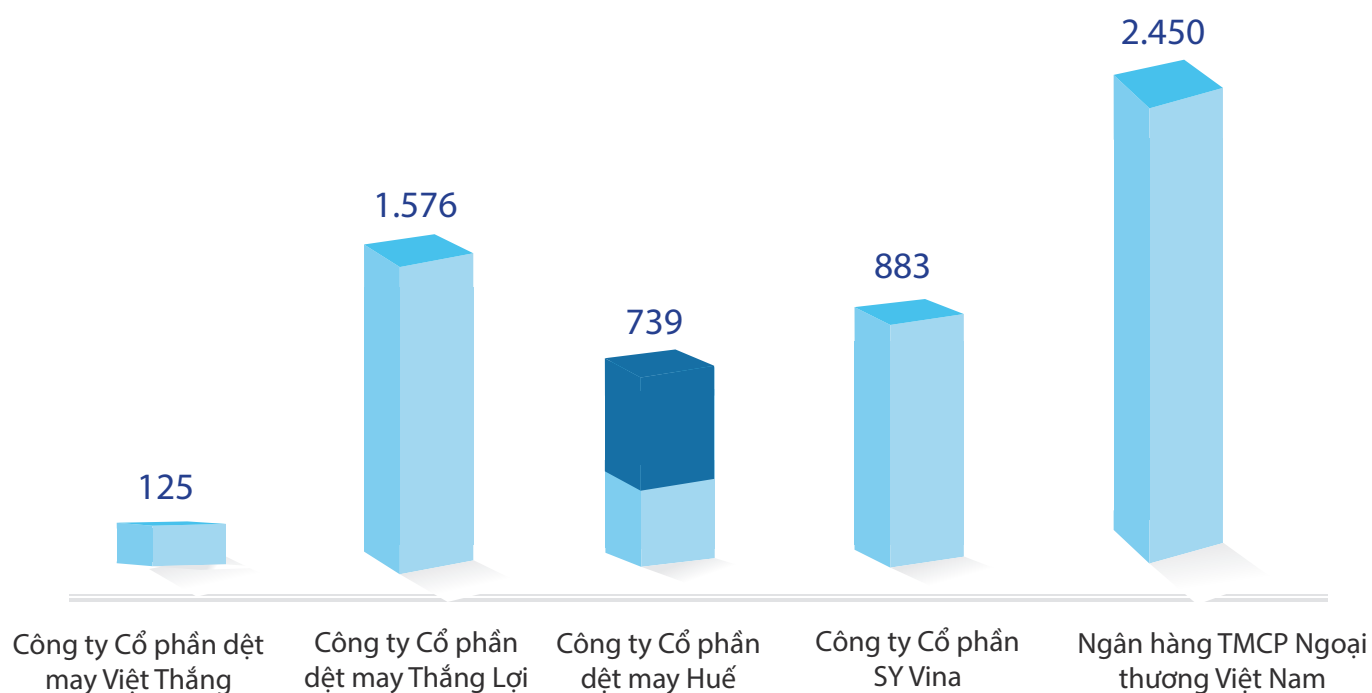
Các dự án trong năm: (Triệu đồng)





Các khoảng đầu tư dài hạn

Trong năm 2016, Công ty đã tăng mức đầu tư tại Công ty cổ phần Dệt may Huế từ 318 triệu đồng lên thành 739, dẫn tới việc các khoản đầu tư có sự thay đổi như sau: (Đơn vị: Triệu đồng)



TÌNH HÌNH CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT





CÔNG TY TNHH MTV
TC ELAND

CÔNG TY CỔ PH..N
TRUNG TÂM Y KHOA
THÀNH CÔNG

CÔNG TY TNHH MTV
THÀNH CÔNG
VĨNH LONG

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng / giảm 2016
1	Tổng tài sản	2.509.257.57	2.820.393.53	12.40%
2	Doanh thu thuần	2.791.895.47	3.070.604.04	9.98%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	162.081.86	139.680.72	-13.82%
4	Lợi nhuận khác	4.876.01	-6.404.33	-231.34%
5	Lợi nhuận trước thuế	166.957.87	133.276.39	-20.17%
6	Lợi nhuận sau thuế	153.739.07	115.038.34	-25.17%

STT	Chỉ tiêu tài chính	2014	2015	2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,01	0,95	0,89
2	Hệ số thanh toán nhanh	0.38	0.32	0,40
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,64	0,68
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,53	1,80	2,08
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	3,55	3,37	3,51
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,27	1,22	1,15
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,55%	5,51%	3,75%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	21.64%	17.99%	12,70%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	8,32%	6,73%	4,32%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,81%	5,81%	4,55%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh diễn biến trái chiều, trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 0,95 lần xuống 0,89 lần; hệ số thanh toán nhanh lại có sự cải thiện khi tăng từ 0,32 lần lên 0,40 lần.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cho thấy tỷ lệ nợ của Công ty tăng nhanh, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,64 lần đến 0,68 lần trong năm 2016; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 1,80 lần năm 2015 đã tăng lên 2,08 lần trong năm 2016.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cũng suy giảm so với những năm trước. Do những biến động của cung cầu thị trường cũng như chi phí nguyên liệu đầu vào, nên các chỉ tiêu ROE, ROA, biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đều giảm so với cùng kỳ.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



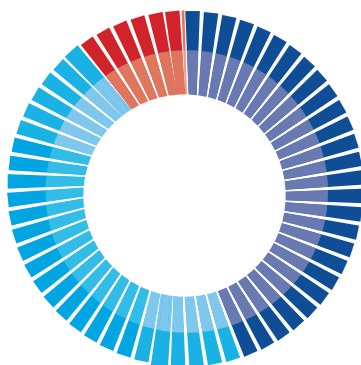
Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	9	0,00%
2	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	21.270.799	43,23%
	Trong nước	0	0,00%
	Nước ngoài	21.270.799	43,23%
3	Cổ đông khác	27.828.693	56,56%
	Trong nước	24.992.019	50,80%
	Nước ngoài	2.836.674	5,77%
4	Cổ phiếu Quỹ	100.450	0,20%
TỔNG CỘNG		49.199.951	100,00%



Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Số lượng cổ phần: 49.199.951 cổ phần
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
 Số cổ phần ưu đãi: không có
 Số cổ phần phổ thông: 49.199.951 cổ phần
 Số cổ phần đang lưu hành: 49.099.501 cổ phần
 Số cổ phiếu quỹ: 100.450 cổ phần



8,51%

Tổ chức trong nước



42,39%

Cá nhân trong nước



48,77%

Tổ chức nước ngoài



0,33%

Cá nhân nước ngoài

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/Cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Eland Asia Holdings Pte.ltd	200717117Z	Church Street 3 #08-01. Samsung Hub. Singapore 049483	21.270.799	43.23%

Trong năm 2016: Công ty không tiến hành tăng vốn.

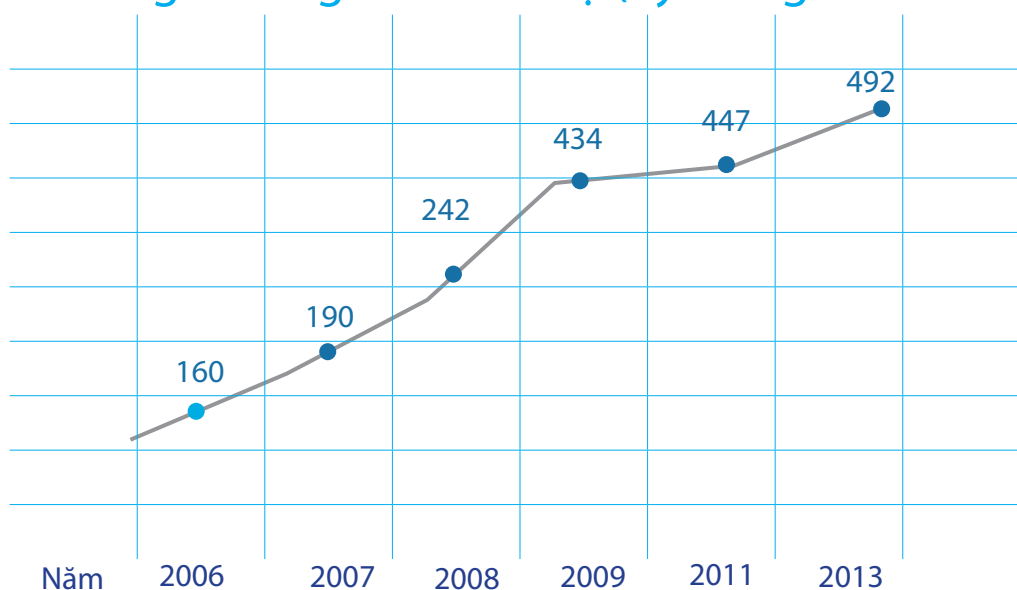
Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tính đến 31/12/2016: Số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là: 100.450 cổ phần.

Trong năm 2016: Công ty không thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có

Biểu đồ tăng trưởng vốn điều lệ (Tỷ đồng)





WHO.A.U
Established 1975, Original Fashion Brand Since 1975
 WHO.A.U STANDS FOR "WHO ARE YOU"
 A NEW GLOBAL BRAND WITH A FASHION FOR
 THE CALIFORNIA LIFESTYLE
 AND A VINTAGE LUXURY FEEL.



Thanks &

40
Thanks & Together

Kỷ Niệm 40 Năm Thành Lập

12.08.1976 - 12.08.2016



Together

03 BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Trong năm 2016, kinh tế thế giới nhìn chung vẫn ảm đạm, GDP thế giới năm 2016 tăng trưởng 3,16%, tăng nhẹ so với mức tăng của năm 2015, thấp hơn so với các dự báo từ đầu năm. Bên cạnh đó, tình hình dệt may thế giới không khả quan. Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành Dệt may Việt Nam năm 2016 ước đạt 28,5 tỷ đô la Mỹ, thấp hơn so với mức dự kiến khoảng 1 tỷ đô la và chỉ tăng 5% so với năm 2015. Đây là năm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong vòng mười năm trở lại đây khi mức tăng trưởng trước đây luôn dao động ở mức tăng 2 con số mỗi năm.

Ngoài việc tình hình trong nước không mấy khả quan, tình hình thế giới còn có nhiều yếu tố biến động khó lường như sau:

Sự kiện Brexit: Việc người dân nước Anh bỏ phiếu quyết định tách nước Anh ra khỏi liên minh Châu Âu EU đã ảnh hưởng xấu tới Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU, thu hẹp thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói chung và sản phẩm hàng dệt may của Công ty nói riêng.

Sự kiện Mỹ có tân tổng thống ủng hộ xu hướng bảo hộ kinh tế nội địa đã ảnh hưởng lớn đến các hiệp định thương mại tự do giữa Hoa Kỳ và các nước khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong đó có Việt Nam. Kinh tế Hoa Kỳ mạnh lên sẽ gây ảnh hưởng lên cung cầu của mặt hàng dệt may, tỷ giá và giá cả hàng hóa phục vụ sản xuất. Những yếu tố này có ảnh hưởng không tốt đến ngành dệt may Việt Nam.

Các quốc gia cạnh tranh xuất khẩu dệt may với Việt Nam như: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Myanmar đã đưa ra các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng dệt may như phá giá đồng nội tệ, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu nhằm thu hút đơn hàng, khách hàng, làm giảm tính cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam như TCM.

Các thị trường chính như Hoa Kỳ, Các quốc gia thuộc liên minh Châu Âu, Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa dệt may chậm lại và đang có xu hướng suy giảm.

Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Gía của mặt hàng sợi bông liên tục xuống thấp trong năm 2016, một mặt gây ảnh hưởng đến giá bán sợi của Công ty, một mặt gây khó khăn cho hoạt động thu mua nguyên liệu thô cho mảng kinh doanh này.

Những biến động về tỷ giá làm cho hoạt động kinh doanh này lại càng khó khăn khi nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài, các quốc gia trong khu vực giảm giá đồng tiền mạnh hơn Việt Nam khiến cho mặt hàng sản xuất tại Việt Nam trở nên kém hấp dẫn hơn các quốc gia cùng ngành như: Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh, Ấn Độ,...

Ngoài ra việc đánh giá chưa đúng tầm quan trọng của mảng vải dệt cũng là một trong những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động sản xuất của Công ty, Ban lãnh đạo đã có những chỉ đạo quyết liệt, điều chỉnh hoạt động của Công ty, đảm bảo việc phát huy tối đa tiềm năng phát triển của Công ty, đưa Công ty về đúng vị thế của mình trong hoạt động kinh doanh nói chung và mảng vải dệt nói riêng.



“Sau khi đánh giá lại tiềm năng phát triển của ngành kinh doanh vải dệt, Thành Công đã tập trung phát triển bộ phận bán hàng, mở rộng hoạt động kinh doanh đưa mức tăng trưởng doanh thu của ngành kinh doanh vải dệt lên khoảng 20% so với năm 2015”

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	So 2016 với 2015
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.791.895	3.070.604	9,98%
-	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	-2.365.472	-2.651.510	12,09%
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	426.423	419.094	-1,72%
-	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	24.131	26.096	8,14%
-	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	86.883	67.624	-22,17%
-	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	85.894	96.773	12,67%
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	121.189	143.688	18,56%
-	Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh	Triệu đồng	5.494	2.572	-53,19%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	162.082	139.680	-13,82%
-	Lợi nhuận khác - Tổng	Triệu đồng	4.876	-6.404	-231,34%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	166.958	133.276	-20,17%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	153.739	115.038	-25,17%

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
Doanh thu	3.263.721.500.000	3.070.604.044.491
Lợi nhuận sau thuế	160.209.400.000	115.038.337.291

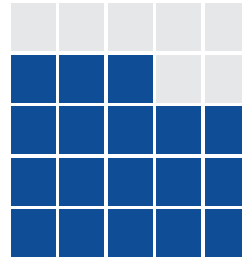
Nhận xét việc thực hiện kế hoạch năm 2016

Công ty chỉ hoàn thành 94% chỉ tiêu doanh thu hợp nhất và 72% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

Sự sụt giảm của giá dầu thế giới trong năm 2014 – 2016 đã có những ảnh hưởng vô cùng tiêu cực tới biên lợi nhuận của Ngành Sợi. Giá nguyên liệu đầu vào giảm sâu đã làm cho hoạt động sản xuất sợi trở nên không hiệu quả, thậm chí còn gây ra thua lỗ, bán hàng dưới giá vốn.

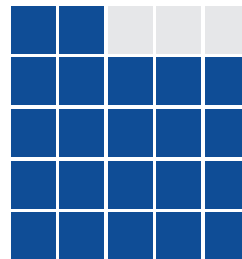
Đi cùng với sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Trung Quốc là sự suy giảm nhu cầu về sức tiêu thụ hàng hóa may mặc tại thị trường này, đơn hàng may từ Eland Trung Quốc có sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Nhà máy tại Vĩnh Long mới bắt đầu tiến hành hoạt động, hiện tại vẫn chưa đạt được điểm hòa vốn nhưng cũng đã có những cải thiện đáng kể về năng suất cũng như doanh thu.



72%

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016 được hoàn thành



94%

Kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2016 được hoàn thành

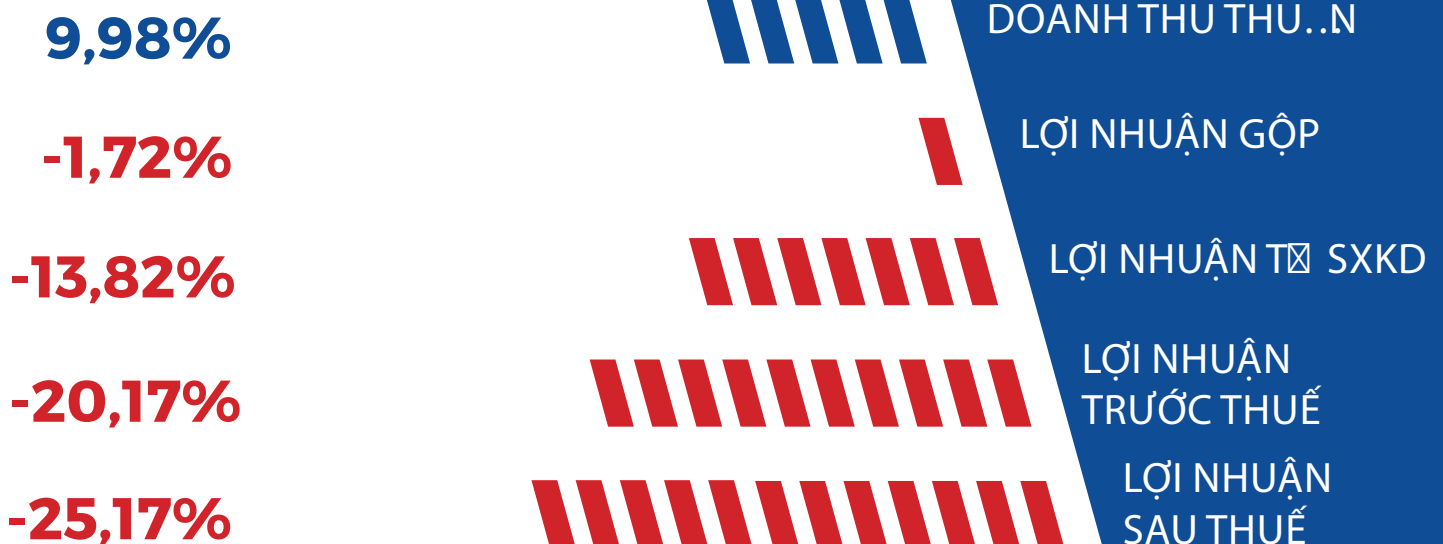
Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2016

Sau khi đánh giá lại tiềm năng phát triển của ngành kinh doanh vải dệt, Thành Công đã tập trung phát triển bộ phận bán hàng, mở rộng hoạt động kinh doanh đưa mức tăng trưởng doanh thu của ngành kinh doanh vải dệt lên khoảng 20% so với năm 2015.

Hàng may mặc vẫn là ngành kinh doanh truyền thống của Công ty, trong năm 2016, tăng trưởng doanh thu may tăng khoảng 10% so với năm 2015. Để đạt được thành tích này, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm những khách hàng mới, chấp nhận đơn hàng khó đòi hỏi chất lượng cao hơn trong bối cảnh khó khăn chung của ngành dệt may.

Xưởng may tại Vĩnh Long của Công ty đã có những cải thiện nhất định về mặt hoạt động, năng suất lao động tăng từ mức trung bình \$20 lên \$26 trên mỗi công nhân ngồi máy, doanh thu của xưởng cũng tăng khoảng hơn 10 lần so với năm 2015.

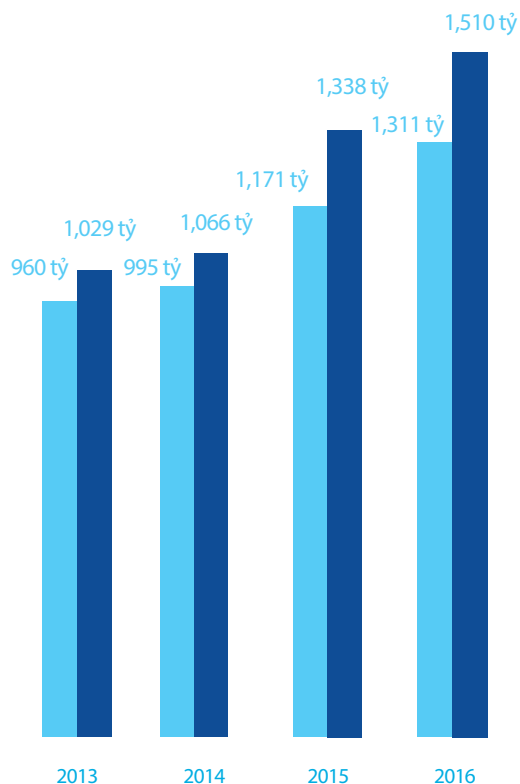
Tình hình thực hiện 2016 so với 2015



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

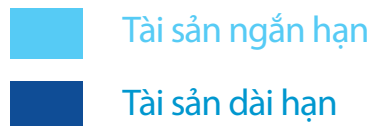
↑↑↑ 12,4%

Tính đến 31/12/2016, giá trị tổng tài sản đạt 2.820.39 tỷ đồng, cao hơn 12.40% so với năm 2015. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên Tổng tài sản chiếm 46.45%, tài sản ngắn hạn năm 2016 tăng 11.84% so với năm 2015



CƠ CẤU TÀI SẢN QUA CÁC NĂM

Biểu đồ so sánh tương quan tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của Công ty trong giai đoạn từ 2013 cho đến 2016



CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay tổng tài sản vẫn duy trì ổn định ở mức từ 1,27 vòng đến 1,15 vòng trong ba năm liên tục và đang có xu hướng tiếp tục giảm.

Vòng quay hàng tồn kho của Thành Công trong năm 2016 đạt 3,55 vòng, tăng 0,14 vòng so với năm 2015 và xấp xỉ năm 2014

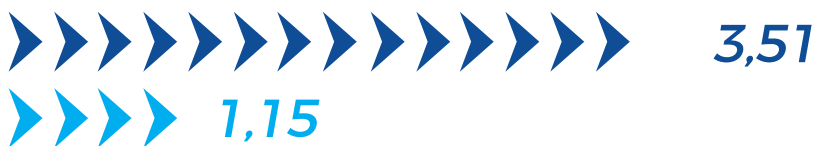
2016



2015

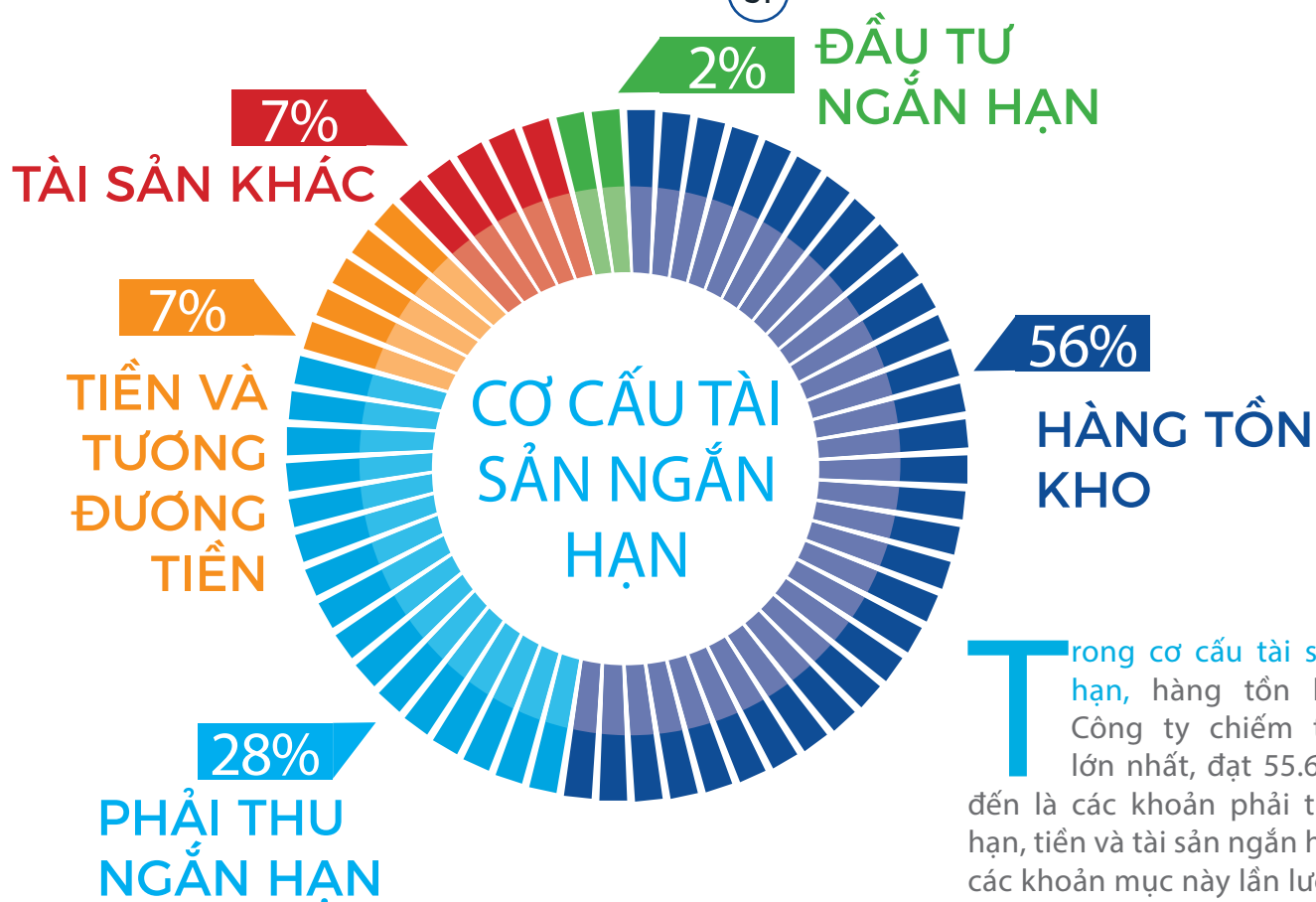


2014

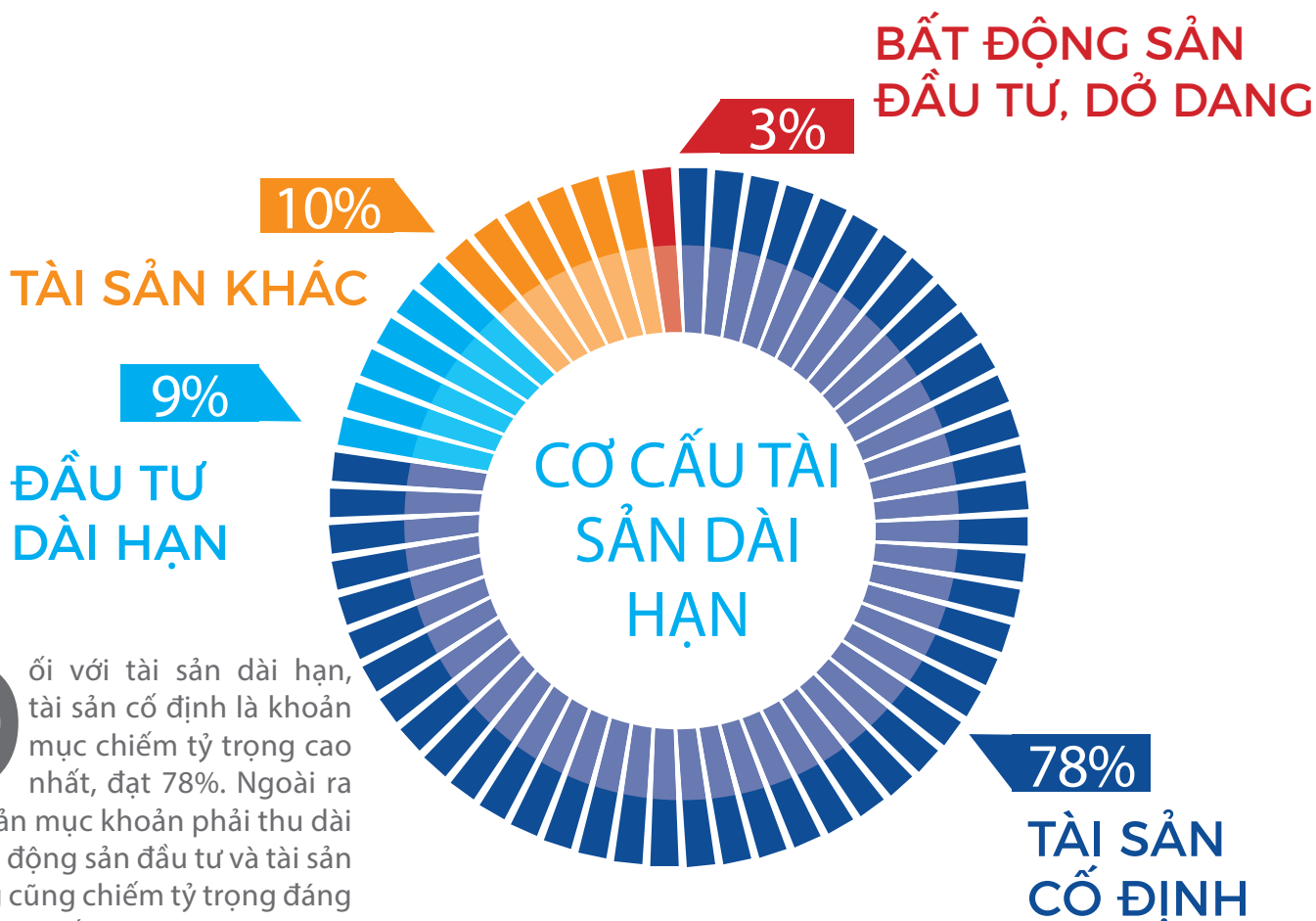


➤ Vòng quay hàng tồn kho

➤ Vòng quay tổng tài sản



Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 55.63%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn, tiền và tài sản ngắn hạn khác, các khoản mục này lần lượt chiếm 28%, 7,3% và 6.58%.



Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 78%. Ngoài ra các khoản mục khoản phải thu dài hạn, bất động sản đầu tư và tài sản dở dang cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tài sản dài hạn.

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị nợ của Công ty đạt 1.905 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 67,53% cơ cấu tài sản của TCM, so với năm trước, tỷ lệ này tăng thêm 3,24%. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu là 77,07% trong cơ cấu nợ phải trả, đạt 1.467 tỷ đồng, tăng 238 tỷ đồng so với năm 2015. Nợ dài hạn đạt 437 tỷ đồng, tăng 55 tỷ đồng so với năm 2015. Giá trị khoản phải trả người bán ngắn hạn của TCM tính đến thời điểm 31/12/2016 đạt 239 tỷ đồng, tăng 27 tỷ đồng so với năm 2015.

3,24%

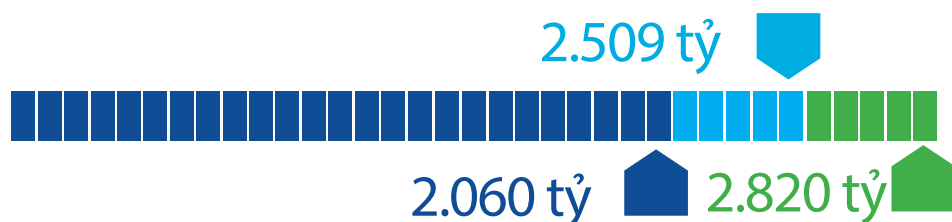
Giá trị nợ của Công ty tăng thêm 291 tỷ, đưa các nghĩa vụ phải trả của Công ty lên 1.905 tỷ đồng trong năm 2016, tăng thêm 3,24% so với cùng kỳ

1.468 tỷ

Chiếm 77,07% trong cơ cấu nợ là các khoản nợ phải trả ngắn hạn, tương đương 1.468 tỷ đồng, tăng 237 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

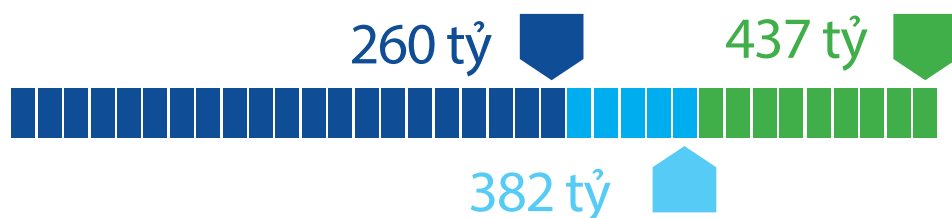
437 tỷ

Nợ dài hạn đạt 437 tỷ đồng, tăng 55 tỷ đồng so với năm 2015



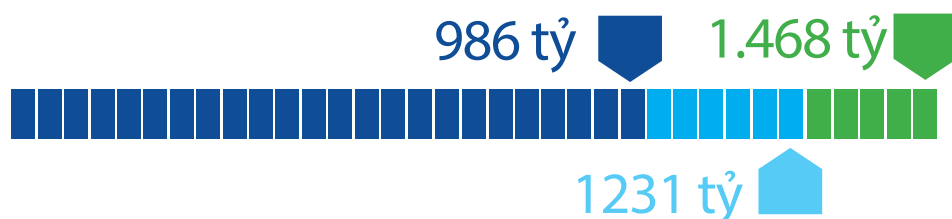
Tổng tài sản

Tổng tài sản của Công ty liên tục tăng trong giai đoạn 2014-2016, tại thời điểm 31/12/2016 tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.820 tỷ đồng.



Nợ dài hạn

Trong năm 2016, nợ dài hạn của Công ty tăng 55 tỷ đồng, đạt 437 tỷ đồng, chiếm 15,5% trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty.



Nợ ngắn hạn

Nợ ngắn hạn tăng 237 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, chiếm 77,07% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty.

Năm 2014

Năm 2015

Năm 2016

TÌNH HÌNH LÃI VAY

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm 2016, lãi vay Công ty phải trả là 37,7 tỷ đồng, tăng cao hơn 10 tỷ đồng so với mức lãi vay phải trả trong năm 2015, tuy nhiên tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần đạt 1,0%. Đây là mức thấp và thể hiện Công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

Chỉ tiêu	2014	2015	2016
Vay ngắn hạn	647	818	896
Vay dài hạn	222	340	391
Chi phí lãi vay	27	27	37
Chi phí lãi vay /doanh thu thuần	1%	1%	1%

Loại ngoại tệ	Công nợ		Tài sản	
	2016	2015	2016	2015
USD	1.178.421.221.690	1.031.735.997.041	347.441.508.137	180.370.962.437
EUR		3.492.919.125	5.014.786	5.400.842
Won		282.188.079		
JYP		11.636.780.000	18.881.423	18.421.424
Tổng cộng	1.178.421.221.690	1.047.147.884.245	347.465.404.346	180.394.784.703

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro. Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng USD. tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá.



PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY VỚI BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng 23.327.464.050 đồng, cao hơn 1 tỷ đồng so với năm 2015.



PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY VỚI BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ

Độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ USD so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 41.548.985.678 đồng tương ứng, thấp hơn 1 tỷ đồng so với cùng kỳ.

NHÔNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2016

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty tập trung vào việc nâng cao hiệu quả của các cấp quản lý, điều hành. Thành lập Phòng R&BD (Research & Business Development) để đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Tăng cường công tác quản lý, điều hành, sắp xếp tổ chức lại, luân chuyển và bổ nhiệm mới, đào tạo cho những vị trí chủ chốt của công ty. Áp dụng biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí tiêu thụ và chi phí trong việc sử dụng năng lượng

QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Cải tiến và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý thành tích theo KPIs. Từng cấp quản lý, từng nhân viên chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên. Tập trung chú trọng đào tạo quản lý cấp trung thông qua các khóa học về quản lý, mà Công ty hợp tác với các tổ chức đào tạo bên ngoài. Hợp tác với chuyên gia tư vấn nhân sự bên ngoài thực hiện cải tiến áp dụng cách đo lường và đánh giá KPI mới (KPI đánh giá tới từng cá nhân) một cách cụ thể và đo lường được chính xác hơn trước. Nâng cấp hệ thống ERP sản xuất lên phiên bản mới hơn giúp sự liên kết giữa các bộ phận được chặt chẽ và thông suốt hơn, bảo mật thông tin tốt hơn, số liệu đầy đủ hơn từ đó giúp việc thu thập thông tin để quản lý tốt hơn.

CHÍNH SÁCH

Tiếp tục theo đuổi chiến lược của Công ty với mục tiêu “Nhanh hơn – Tốt hơn – Rẻ hơn” (Faster, Better, Cheaper). Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các dự án đầu tư mở rộng, cung cấp cho các đơn vị thành viên. Thường xuyên cho cán bộ tham gia giao lưu, học hỏi những công ty hoạt động hiệu quả trong ngành để có thể áp dụng những cải tiến mới cho công ty

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện việc nâng cấp hệ thống ERP trong sản xuất và quản lý. Việc tích hợp: nguồn lực – kế hoạch – doanh nghiệp vào thành một khối sẽ giúp cho Công ty tiết giảm chi phí quản lý, chi phí cơ hội, từ đó gia tăng giá trị cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm sợi cũng sẽ được đẩy mạnh, hướng đến mục tiêu sản xuất ra những loại sợi khó, có tính năng đặc biệt, giá trị gia tăng cao; từ đó dần chuyển đổi từ hình thức cạnh tranh về giá cả sang hình thức cạnh tranh về chất lượng và tính chất của sản phẩm.

Công tác sản xuất sợi được điều tiết, một mặt sẽ tiếp tục cung ứng sản phẩm sợi đến các đối tác nước ngoài, một mặt sẽ chuyển sang cung ứng cho quy trình sản xuất mặt hàng may mặc của Công ty. Đây là bước đầu tiên trong chủ trương xây dựng chuỗi giá trị, khép kín dây chuyền sản xuất của Công ty, giảm mức độ phụ thuộc vào nhà cung ứng nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chi phí, gia tăng lợi nhuận cho mảng may mặc và tạo thêm đầu ra cho sản phẩm sợi của Công ty.

Mở rộng phát triển thêm danh mục khách hàng mới, biến thương hiệu của Thành Công trở thành một thương hiệu sản phẩm thời trang được nhận diện trên toàn cầu. Tiếp tục thâm nhập vào thị trường Trung Quốc, cố gắng giữ được đơn hàng của những khách hàng hiện tại, đặc

biệt là của thương hiệu thời trang TW, đồng thời phát triển thêm khách hàng mới; đẩy nhanh tốc độ sản xuất và giao hàng, rút ngắn thời gian đáp ứng đơn hàng cho khách hàng từ 25 – 30 ngày xuống còn 5 -6 ngày, đảm bảo việc thỏa mãn nhu cầu hàng thời trang cho đối tác Eland, tập trung mở rộng thị trường tại Nhật Bản cho nhóm sản phẩm vải dệt và mở rộng thị trường Mỹ cho nhóm sản phẩm quần áo may mặc.

Công ty tiếp tục tinh giảm bộ máy, cơ cấu lại bộ máy lao động, và xem xét thoái vốn tại các mảng kinh doanh phụ không mang lại hiệu quả kinh tế cao.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

DOANH THU HỢP NHẤT 2017

3.243.240.000.000
Đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT
2017

177.772.500.000
Đồng

TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG DOANH
THU SO VỚI THỰC HIỆN TRONG
NĂM 2016

5,5%

TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN
SAU THUẾ SO VỚI THỰC HIỆN
TRONG NĂM 2016

54,5%

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ

Kinh tế thế giới tiếp tục ảm đạm, được đánh giá là 1 năm sóng gió do những căng thẳng địa chính trị, chính sách và thị trường tài chính thế giới biến động, dẫn đến nền kinh tế thế giới tiếp tục trì trệ năm thứ 6 liên tiếp và xu hướng này có thể kéo dài sang năm 2017.



2,8%

Là tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu được đưa ra trong dự báo năm 2017 của Conference Board

Dự báo Triển vọng kinh tế toàn cầu - 2017 của Conference Board cho rằng kinh tế toàn cầu sẽ chỉ tăng trưởng 2,8% trong năm 2017 (trong khi tăng trưởng 2016 được nhận định là 2,5%). Đây là mức tăng trưởng rất thấp so với nhịp độ tăng trưởng thường đạt trên 4% trong những năm giữa thập niên đầu tiên của thế kỷ 21.

Mặt khác, các khủng hoảng chính trị đến từ khu vực Liên minh Châu Âu – EU như cú sốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland bỏ phiếu thông qua việc rút tư cách thành viên EU (Brexit), nợ công Hy Lạp và làn sóng di cư từ Trung Đông, châu Phi... ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới, làm lung lay vị thế tài chính của nước Anh và ảnh hưởng nền kinh tế châu Âu. Việc Tỷ phú Donald Trump đắc cử tổng thống Mỹ, tuyên bố bãi bỏ Hiệp định TPP, cũng gây ra không ít khó khăn cho các nước thành viên TPP.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thâm nhập từng bước vào ngành dệt may, gây áp lực cạnh tranh ngày càng cao lên những Doanh nghiệp có trình độ thấp và chậm thích ứng.



Tình hình của Ngành tại Việt Nam không chỉ gặp khó khăn do tác động từ tình hình kinh tế thế giới nêu trên, thêm vào đó, Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng biện pháp chống bán phá giá sản phẩm sợi, gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu sợi của Việt Nam.

Các Doanh nghiệp trong nước chịu áp lực chi phí tăng đột biến, gồm các chi phí BHXH, BHYT, nguyên liệu sợi tăng theo giá dầu biến động... đã ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp cùng ngành.

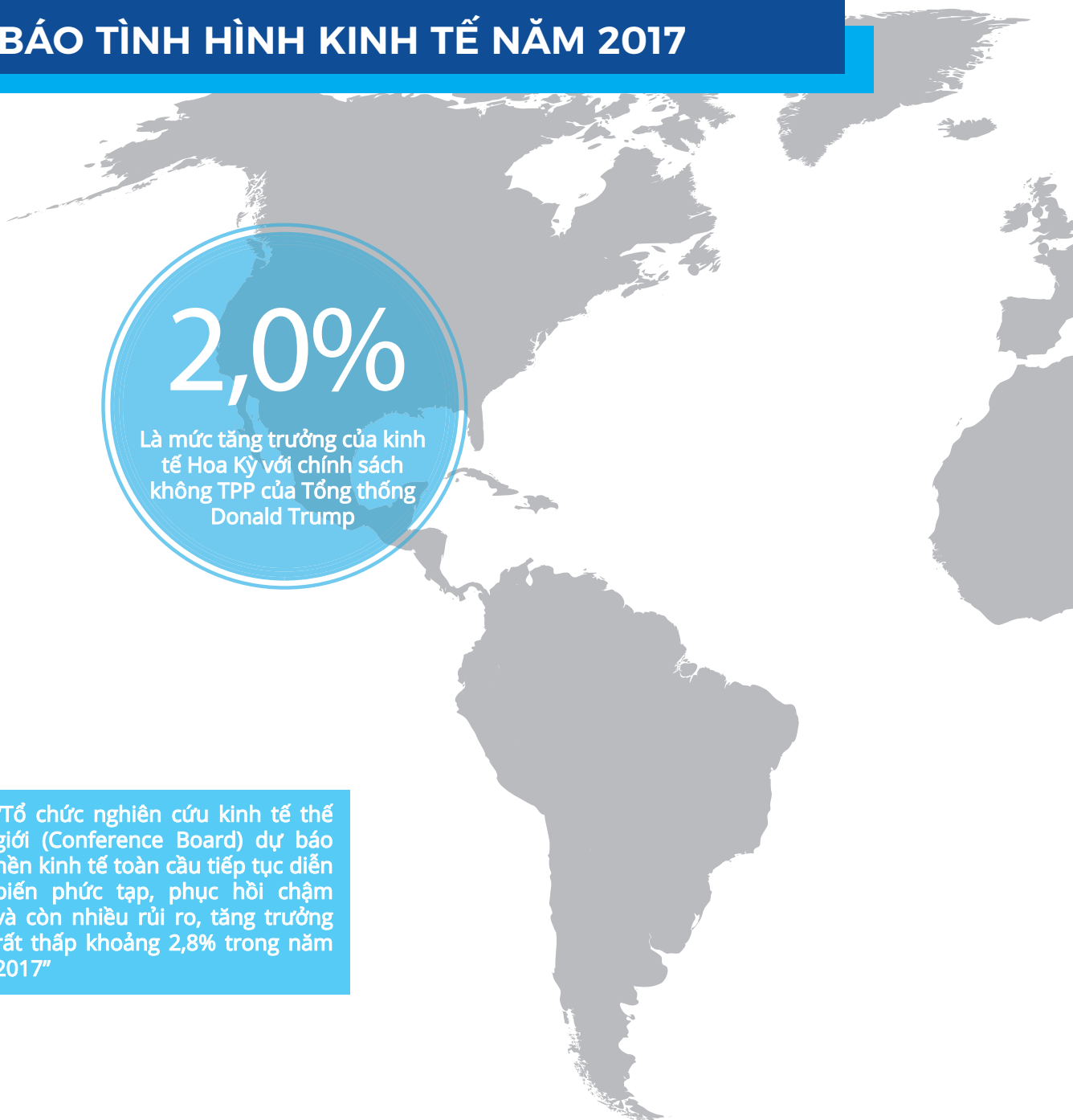
Đồng tiền nội tệ bị phá giá, thiếu tính ổn định, các chính sách cho hoạt động của Ngành còn nhiều bất cập và thiếu sự ưu đãi so với các nước trong khu vực... gây khó khăn thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp.

Dòng đầu tư mới từ nước ngoài vào ngành Dệt may bị chững lại do Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) không thuận lợi, ảnh hưởng việc thu hút các đơn hàng, khách hàng của các doanh nghiệp trong nước.

Tỷ trọng doanh nghiệp FDI trong ngành càng tăng nhanh, trong đó chiếm đến khoảng 70% tổng doanh thu xuất khẩu của toàn Ngành, đối chọi trực tiếp tới khối doanh nghiệp trong nước, cạnh tranh ngày càng mạnh hơn về lao động, trình độ chuyên môn tay nghề...

Với Ngành dệt may Việt nam, năm 2016 là một năm khó khăn nhất của Ngành, kim ngạch xuất khẩu đạt 28,2 tỷ USD thấp hơn 1,7 tỷ USD so với mục tiêu đề ra, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 5,2% là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2008 đến nay. Công ty Dệt May Đầu tư Thương mại Thành Công cũng chịu chia sẻ chung những khó khăn này với các doanh nghiệp cùng Ngành tại Việt Nam.

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2017



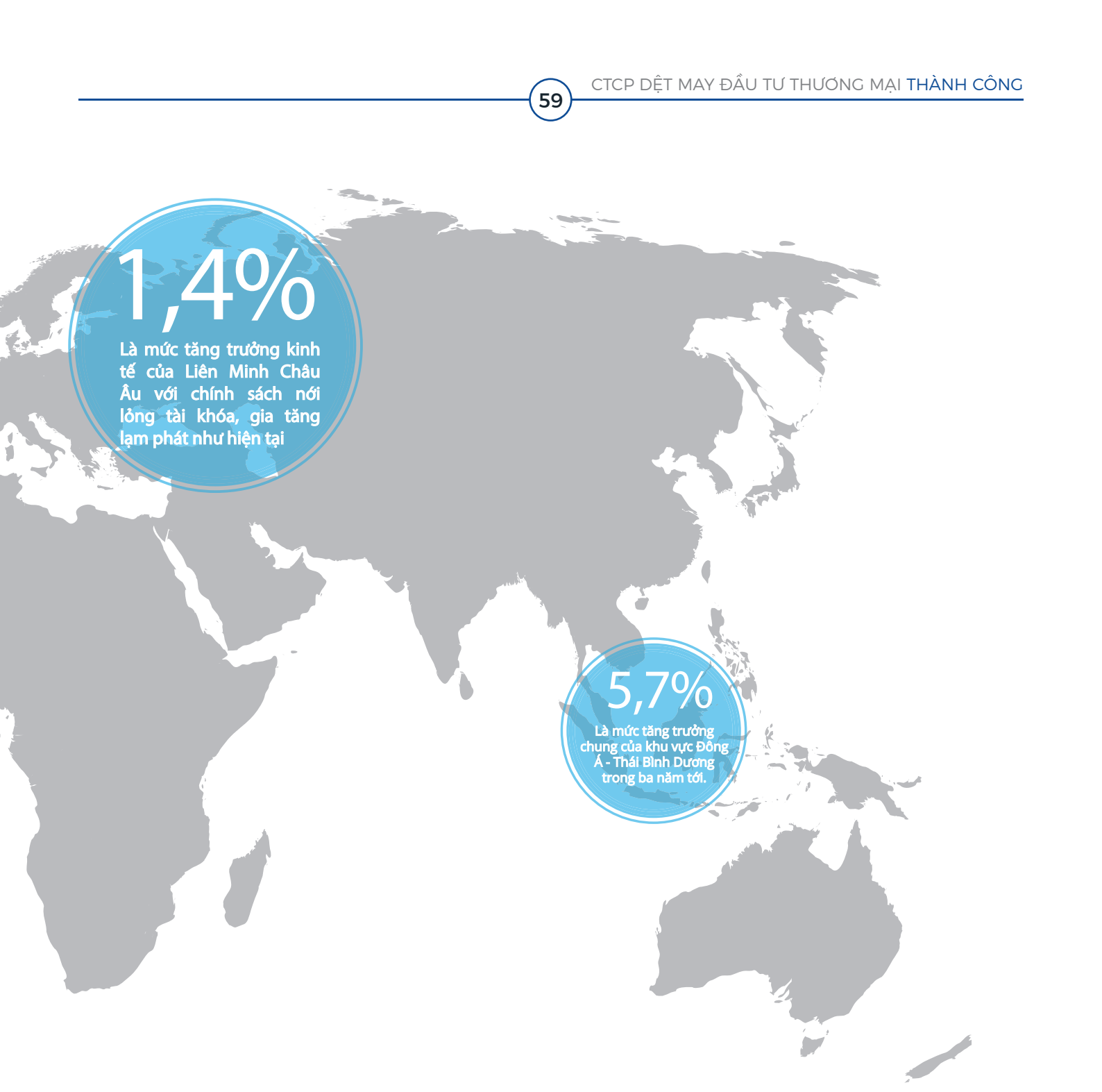
2,0%

Là mức tăng trưởng của kinh tế Hoa Kỳ với chính sách không TPP của Tổng thống Donald Trump

“Tổ chức nghiên cứu kinh tế thế giới (Conference Board) dự báo nền kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm và còn nhiều rủi ro, tăng trưởng rất thấp khoảng 2,8% trong năm 2017”

Một số nước trong khu vực Cambodia, Myanmar, Bangladesh được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu sản phẩm dệt may 0% vào thị trường EU, Hoa Kỳ, trong khi Dệt may Việt Nam đang chịu mức thuế cao vào các thị trường này, tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều rào cản khó khăn như tăng lương tối thiểu, tăng chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; các cơ chế quy định bất cập trong việc kiểm tra hàng hóa nhập khẩu cho sản xuất dệt may từ các cơ quan ban ngành. Ngành dệt May Việt Nam còn những hạn chế, yếu kém về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và có nguy cơ bị tụt hậu về mặt công nghệ trong khi thế giới đang bước vào Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư



1,4%

Là mức tăng trưởng kinh tế của Liên Minh Châu Âu với chính sách nới lỏng tài khóa, gia tăng lạm phát như hiện tại

5,7%

Là mức tăng trưởng chung của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương trong ba năm tới.

Nhiều khó khăn, thách thức cũng được đặt ra cho các Doanh nghiệp trong việc thực hiện các Cam kết hội nhập quốc tế, nhất là các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam mới ký kết.

Tuy nhiên, vẫn có những thuận lợi ít ỏi cho các Doanh nghiệp, đó là chi phí lao động Việt Nam còn rẻ so với một số nước trong khu vực; các chính sách vĩ mô và lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ & hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực hơn (lãi suất, tỷ giá...); dự báo năng lực sản xuất của Ngành dệt may sẽ được cải thiện nhờ sự đầu tư mới vào Ngành liên tục tăng cao kể từ 2013 trở lại đây, đặc biệt là cung cấp nguyên phụ liệu cho Ngành dệt may, từ đó tạo điều kiện cho Các Doanh nghiệp tham gia vào FTAs theo nguyên tắc từ sợi.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016

Trong năm 2016, doanh thu Công ty đạt 94 % so với kế hoạch, tăng trưởng gần 10% so với thực hiện 2015; lợi nhuận sau thuế đạt 72% so với kế hoạch và bằng 75% so với thực hiện năm 2015. Như vậy, Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch 2016. Tuy nhiên, hoạt động Công ty vẫn có lợi nhuận, mặc dù chưa đạt được mức kỳ vọng so với chỉ tiêu đặt ra. Kết quả trong năm qua, các đơn hàng may xuất khẩu FOB thực hiện khá tốt và đem lại lợi nhuận cao cho Công ty; các đơn hàng vải xuất khẩu cho các khách hàng được thực hiện tốt với doanh thu

và lợi nhuận tăng hơn so với năm 2015.

Riêng lĩnh vực sản xuất kinh doanh Sợi trong năm 2016 thực hiện chưa tốt, kinh doanh sợi bị lỗ như đã nêu tại phần nguyên nhân trên. Các đơn vị sản xuất kinh doanh Ngành Sợi còn thiếu chủ động và phối hợp trong việc nghiên cứu thị trường, tìm ra nguyên nhân và các giải pháp khắc phục tình hình hoạt động kém hiệu quả. Đội ngũ quản lý Công ty còn thiếu kiên quyết trong việc xem xét xử lý đối với lĩnh vực này, ảnh hưởng đến lợi nhuận chung của Công ty.

NGUYÊN NHÂN CHƯA ĐẠT MỤC TIÊU NĂM 2016

Nhà máy Thành Công – Vĩnh Long còn trong giai đoạn đầu của đầu tư mới (kể từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 12/2016 đưa vào hoạt động hơn 16 tháng), đang trong quá trình bổ sung lao động, cải tiến nâng cao tay nghề và hoàn thiện quản lý sản xuất.... Mặc dù nhà máy đã có nhiều cải thiện năng suất lao động, ngày càng có hiệu quả cao hơn giai đoạn mới đi vào hoạt động, nhưng vẫn chưa bù đắp được các chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí khấu hao cao cho đầu tư ban đầu của một nhà máy mới. Thêm vào, tình hình khó khăn lớn nhất đối với Ngành Dệt May Việt Nam trong năm 2016 là sự giảm sút đơn hàng xuất khẩu của các Doanh nghiệp trong nước do cạnh tranh từ các nước trong khu vực được hưởng ưu đãi thuế suất nhập khẩu vào thị trường EU, Hoa Kỳ; hiệp định TPP chứng lại đã ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của các Doanh

ngiệp may mặc, thiếu đơn hàng, năng suất lao động giảm, trong đó có may mặc của Công ty.

Kinh doanh sợi gặp khó khăn ngoài lý do thị trường sợi chung luôn gặp biến động về giá nguyên liệu bông xơ và một số thị trường bị thu hẹp, mất đi như Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc..., còn có nguyên nhân chủ quan của đội ngũ quản lý sản xuất kinh doanh sợi Công ty, đó là thiếu sự chủ động và sự phối hợp giữa các đơn vị để tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả lĩnh vực sợi, dẫn đến lỗ kinh doanh sợi kéo dài trong thời gian qua.

Các ngành sản xuất đã chủ động theo sát mục tiêu, tìm kiếm các giải pháp thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao, tập trung khắc phục những yếu kém, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, cụ thể:

- Ngành May luôn là Ngành đi đầu trong cải

Chỉ tiêu hợp nhất	ĐVT	Năm 2015 Thực hiện	Năm 2016	
			Kế hoạch	Thực hiện
Doanh thu thực hiện	Tỷ đồng	2.792	3.263	3.070
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	153,7	160,2	115,0



Tỷ lệ doanh thu đạt được so với mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016



Tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu thực hiện trong năm 2016 so với cùng kỳ năm trước



Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế đạt được so với mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016



Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế đạt được trong năm 2016 so với cùng kỳ năm trước

tiến năng suất chất lượng, tiếp tục phát huy và mở rộng việc thực hiện các đơn hàng 5 ngày sản xuất theo yêu cầu khách hàng về chủng loại sản phẩm thời trang... đem lại hiệu quả cao về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Ngành Dệt đã tập trung bố trí cải tiến lại sản xuất bằng chọn lựa chủng loại sản phẩm có hiệu quả đưa vào sản xuất kinh doanh & thực hiện chương trình nhập máy dệt khí mới thay thế máy cũ đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường vải xuất khẩu, đã cải thiện và nâng cao được hiệu quả kinh doanh tốt hơn so với năm 2015.

- Ngành Đan không ngừng sắp xếp bố trí máy hợp lý để tiết kiệm mặt bằng, cải tiến quản lý sản xuất ... nhằm đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhất yêu cầu hàng mọt cho sản xuất các đơn hàng xuất khẩu cho may.

- Ngành Nhuộm đã có nhiều nỗ lực vươn lên trong quá trình cung cấp đồng bộ vải cổ bo rib cho Ngành May bằng giải quyết chất lượng hàng ngày thông qua các buổi họp liên Ngành đầu giờ, tìm ra những nguyên nhân và giải pháp để nâng cao chất lượng và sản lượng vải

cung cấp cho Ngành May.

Các bộ phận lập kế hoạch, theo dõi đơn hàng sản xuất và phục vụ sản xuất như phòng kế hoạch, phòng giao nhận, phòng kho, phòng cung ứng ... đã chủ động, phối hợp tốt, theo sát tình hình diễn biến đơn hàng và giải quyết nhanh các yêu cầu cũng như xử lý nhanh các phát sinh, đảm bảo đơn hàng thực hiện thông suốt, giao hàng đúng thời hạn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

©
TRONG NĂM 2016, CÔNG TY ĐÃ ĐẦU TƯ
205,33 TỶ VÀO MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ SẢN
XUẤT, CHIẾM 76% TỶ TRỌNG ĐẦU TƯ PHÁT
SINH TRONG NĂM CỦA CÔNG TY



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Trong năm 2016 công ty tập trung ưu tiên đầu tư mới theo hướng tăng năng lực sản xuất và đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất tại các Ngành Dệt, Đan kim, Nhuộm; nâng cao chất lượng sản phẩm tại các Ngành sản xuất và thống nhất các phần mềm quản lý xuyên suốt các hoạt động Công ty ..., bao gồm máy Dệt khí thể hệ mới thay thế máy cũ không đáp ứng được chất lượng thị trường; máy nhuộm và máy phụ trợ hoàn tất nhằm nâng cao chất lượng vải thành phẩm; đầu

tư nâng cao sản lượng và chất lượng vải mốt xuất khẩu; đầu tư các thiết bị đồng bộ hóa và nâng cao chất lượng dây chuyền kéo sợi; các thiết bị nâng cao chất lượng công tác thử nghiệm tại nhóm ngành Nhuộm; thiết bị kiểm tra chất lượng sản phẩm sợi, dệt, nhuộm, may,...; phần mềm quản lý sản xuất tại Ngành sợi và Ngành may....

Tổng trị giá đầu tư trong năm 2016 là 270,15 tỷ VND, trong đó các khoản đã đầu tư được thực hiện như sau:

Tên tài sản	Giá trị	Tỷ trọng
Máy móc thiết bị sản xuất	205,33 tỷ	76,0%
Tài sản cố định khác (*)	26,86 tỷ	9,94%
Nhà xưởng, cơ sở hạ tầng	27,12 tỷ	10,04%
Phần mềm quản lý (**)	6,59 tỷ	2,42%
Phương tiện vận tải (***)	2,15 tỷ	0,8%
Thiết bị, dụng cụ quản lý (****)	2,10 tỷ	0,8%
TỔNG CỘNG	270,15 tỷ	100%

(*) Tài sản cố định khác gồm đầu tư lò hơi, hệ thống xử lý nước tại Ngành Nhuộm; hệ thống nguồn điện động lực cho Ngành Dệt; máy biến thế cho Ngành Sợi,...

(**) Phần mềm quản lý gồm phần mềm ERP cho quản lý sản xuất Sợi, May...

(***) Phương tiện vận tải gồm xe nâng, xe chuyên chở phục vụ cho hoạt động SXKD Công ty

(****) Thiết bị, dụng cụ quản lý gồm dụng cụ thí nghiệm, máy đo chỉ số sợi, máy đọc mã vạch, các bộ chương trình điều khiển máy..

Máy móc thiết bị đầu tư năm 2016 đã và đang đi vào hoạt động, một số đã được vận hành có hiệu quả và đáp ứng tốt cho các hoạt động của Công ty, thỏa mãn tốt các yêu cầu khách hàng.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG YẾU KHÁC

Hoạt động nghiên cứu, phát triển

Ban lãnh đạo Công ty đã luôn quan tâm công tác Nghiên cứu & Phát triển, vì đây là khâu quan trọng tạo ra mặt hàng mới nhằm đưa ra những nhu cầu mới cho người tiêu dùng, từ đó phát triển thêm nhiều đơn hàng, khách hàng mới ... góp phần mở rộng sản xuất công ty.

Trong năm, Công ty đã hợp tác cùng với Viện nghiên cứu dệt Hàn quốc KOTITI (Korea Textile Inspection & Testing Institute) tập trung vào việc phát triển tiếp tục những mặt hàng vải đan kim mới có những tính năng đặc biệt giữ ấm, hấp thụ nước thông minh (rút mồ hôi), thoát khí, co giãn cao ... tạo sự dễ chịu, an toàn cho người mặc; tháng 12/2016 Công ty đã thành lập bộ phận kinh doanh vải đan kim nhằm đi sâu vào thương mại hóa các mặt hàng mới, thử nghiệm & nâng cao hiệu quả kinh doanh chủng loại vải đan của Công ty trong năm 2017 trở đi.



Công tác nguồn nhân lực

Yếu tố con người, nguồn nhân lực luôn là ưu tiên hàng đầu và gắn liền với chiến lược phát triển bền vững của Công ty, cụ thể Công ty đã duy trì và cải tiến các chính sách chăm lo đời sống, khuyến khích, động viên người lao động thông qua áp dụng các chế độ chính sách phúc lợi cho công nhân viên; áp dụng các hình thức động viên khen thưởng, nâng bậc cho đội ngũ CNV giỏi, người lao động có thành tích cao trong sản xuất kinh doanh; tổ chức các lớp huấn luyện và đào tạo theo từng nhóm đối tượng lao động & cập nhật kiến thức cho đội ngũ lao động các cấp hàng năm; thực hiện hàng năm chương trình tìm kiếm và đào tạo nguồn lực trẻ và tài năng bổ sung cho hoạt động và phát triển Công ty thông qua tuyển chọn và đào tạo đội ngũ sinh viên giỏi từ các trường đại học lớn uy tín ... nhằm khai thác tốt các nguồn lực đóng góp vào sản xuất kinh doanh Công ty.



Công tác chuyên môn nghiệp vụ

Đội ngũ chuyên môn nghiệp vụ kế toán, giao nhận, mua hàng, các ngành sản xuất .. quan tâm và theo sát công việc kiểm soát chi phí, sử dụng tiết kiệm vật tư ... trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua phân tích hàng ngày những nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục tương ứng; chọn lựa ngân hàng vay vốn với chi phí tài chính thấp nhất; chọn lựa nhà cung cấp và quản lý chặt chẽ mua hàng; kiểm soát tốt công việc giao nhận, xuất nhập hàng hóa; theo sát tiến độ hoàn thuế và có biện pháp thực hiện hoàn thuế nhanh, đặc biệt là việc hoàn thuế xuất nhập khẩu, thuế VAT luôn đúng thời hạn .., góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn trong sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG YẾU KHÁC (TT)

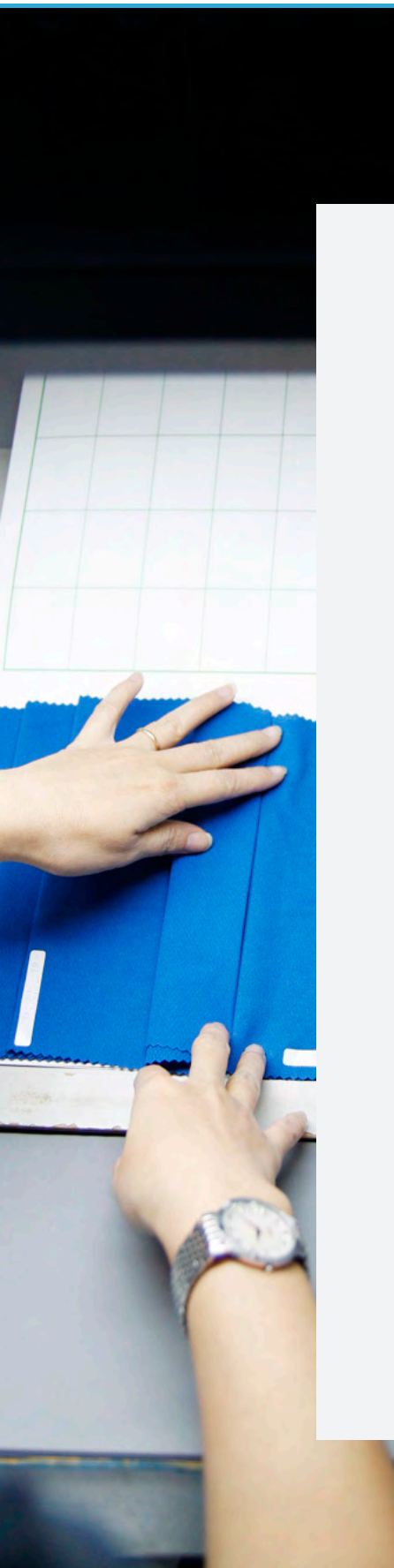
Trong quản lý điều hành hoạt động Công ty

Công ty chú trọng phát triển, khai thác và ứng dụng phần mềm ERP/công cụ quản lý sản xuất kinh doanh công ty, phân tích hiệu quả hoạt động và có các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả hoạt động công ty. Trong năm 2016, Công ty đã tiếp tục phát triển phần mềm ERP vào quản lý tại Ngành Sợi & Ngành May, hoàn thiện hệ thống quản lý hoạt động bằng ERP toàn Công ty.

Tiếp tục ứng dụng các công cụ tiên tiến vào quản lý & điều hành mọi hoạt động công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng các công cụ này trong quá trình điều hành như công cụ KPI kiểm soát các chỉ tiêu & đánh giá nhân viên; phân tích lợi nhuận từng hạng mục sản phẩm, khách hàng thông qua công cụ Profit map; khai thác và đánh giá hiệu quả các chương trình cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty của các đơn vị thông qua công cụ Project Tree và Feedback program ..., góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng (Quality Assurance) tiếp tục phát huy hiệu quả, làm việc chuyên nghiệp, đáp ứng tốt việc kiểm soát chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng hàng xuất xưởng cho khách hàng; đội ngũ QA đủ khả năng kiểm tra và đảm bảo chất lượng như một công ty độc lập "KUWAHARA" cho hàng hóa xuất xưởng, được khách hàng tin tưởng và chấp nhận hệ thống kiểm soát của Thành Công, đáp ứng tốt và nhanh việc giao hàng cho khách.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng giám đốc hầu hết có trình độ và kiến thức về quản trị doanh nghiệp cũng như kinh nghiệm lâu năm trong các lĩnh vực dệt may, có tầm nhìn chiến lược trong hoạch định và điều hành hoạt động công ty theo sát các mục tiêu sản xuất kinh doanh đặt ra.

Ban Tổng giám đốc có tâm huyết, luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi ích Công ty làm mục tiêu hành động trong các lĩnh vực hoạt động Công ty; có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện có hiệu quả/ lợi nhuận trong điều hành Công ty trong năm 2016, mặc dù kết quả chưa được như kỳ vọng.

Các cấp lãnh đạo luôn theo sát chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao, thường xuyên phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém, đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời những hạn chế trong quá trình sản xuất kinh doanh, ngăn chặn thiệt hại và đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Trong năm, cấp lãnh đạo đã có sự sáng tạo, đổi mới trong quản trị và điều hành Công ty bằng việc không ngừng hoàn thiện và ứng dụng phần mềm quản lý ERP đến các khâu sản xuất còn lại của Công ty như Ngành Sợi, Ngành May, khai thác đồng bộ

các dữ liệu, phân tích hiệu quả từng khâu trong qui trình SXKD nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; nâng cao và hoàn thiện việc ứng dụng các công cụ quản trị thông qua triển khai học tập và tìm hiểu sâu hơn công cụ KPI trong toàn Công ty nhằm khai thác, nâng cao hiệu quả của việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho công nhân viên và đánh giá tốt hơn kết quả hoạt động của từng đơn vị; tiếp tục duy trì các công cụ quản lý khác vào điều hành Công ty..., đáp ứng tốt nhất yêu cầu thị trường.

Trong điều hành, Ban lãnh đạo luôn quan tâm về phát triển nguồn nhân lực thông qua duy trì các chính sách về tìm kiếm và đào tạo tài năng trẻ cho kế thừa; khuyến khích động viên đội ngũ lao động bằng các chương trình đánh giá, đào tạo, khen thưởng và thăng cấp kịp thời ... nhằm thu hút nguồn nhân lực vào các hoạt động Công ty với hiệu quả cao nhất.

Ban lãnh đạo đã nghiêm túc chấp hành đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ Công ty; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo qui định pháp luật.

Năm 2016 là 1 năm khó khăn nhất cho Ngành và các Doanh Nghiệp Dệt May Việt Nam, là năm Ngành Dệt May có mức tăng trưởng thấp nhất kể từ 2008 đến nay và không đạt kế hoạch, cụ thể Ngành chỉ đạt 91% kế hoạch xuất khẩu (xuất khẩu cả năm đạt 28.2 tỷ USD/ kế hoạch 31 tỷ USD).

Trong tình hình khó khăn chung của Ngành Dệt May, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBNV Công ty cũng đã nỗ lực khắc phục khó khăn, thực hiện tốt nhất các yêu cầu của Khách hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có lợi nhuận, đạt mức 72% so với chỉ tiêu đề ra, mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng do Công ty phải gánh chịu kinh doanh không hiệu quả từ Ngành Sợi và chia sẻ một phần chi phí của nhà máy TC-VL đầu tư mới trong giai đoạn đầu hoạt động.

NHỮNG MẶT CÒN TỒN TẠI

Hoạt động sản xuất kinh doanh Sợi

Hoạt động sản xuất kinh doanh Sợi còn hạn chế, chưa có sự cải thiện mạnh mẽ và có giải pháp tốt trong việc thực hiện chỉ tiêu sản xuất và kinh doanh đề ra, tình trạng thua lỗ tiếp tục xảy ra trong năm 2016, dẫn đến lợi nhuận Công ty bị giảm sút.

Nguyên nhân một phần bởi đội ngũ sản xuất trong lĩnh vực sợi thiếu chủ động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, chưa tìm ra giải pháp hiệu quả cải tiến đổi mới cho sản xuất sợi, duy trì các cách thức hoạt động cũ kéo dài thời gian sản xuất, hiệu quả giảm sút; sự phối hợp giữa bộ phận kinh doanh và sản xuất để có giải pháp tối ưu cho hoạt động Ngành Sợi chưa tốt; Ban lãnh đạo Công ty thiếu kiên quyết, chậm đưa ra giải pháp mạnh để cắt lỗ của ngành Sợi do vẫn hy vọng sự cải thiện vươn lên của đội ngũ SXKD Sợi trong thời gian qua...

Trong những tháng cuối năm 2016, các bộ phận sản xuất Sợi đã đi thăm quan, học tập một số Công ty kéo sợi hàng đầu Việt Nam và đưa ra các giải pháp cải tiến

Ngành. Ban Tổng giám đốc cần tập trung xem xét lại tình hình, có quyết định kịp thời cho việc tái cấu trúc hoạt động của Ngành Sợi, khắc phục yếu kém kinh doanh của Ngành, nâng cao hiệu quả Ngành Sợi trong năm 2017

Phát triển đội ngũ kinh doanh

Tổ chức, nâng cao trình độ năng lực, phát triển đội ngũ kinh doanh về tiếp thị và phát triển đơn hàng mới, bảo đảm nguồn hàng dồi dào cho hoạt động sản xuất tại Công ty và nhà máy mới Vĩnh Long cũng đã được Ban lãnh đạo quan tâm, vì đây là sự sống còn cho hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong năm qua việc thực hiện chưa mạnh mẽ, nên hình thức tổ chức và phương thức hoạt động vẫn còn tiến hành theo cách cũ, hiệu quả phát triển đơn hàng mới trong năm còn thấp.

Một phần do đội ngũ kinh doanh, tìm kiếm thị trường, phát triển đơn hàng có trình độ yếu, thiếu sự chủ động; việc tìm kiếm nhân sự giỏi cho lĩnh vực phát triển khách hàng mới trên thị trường hiện nay cũng khá khó khăn dù cho Ban lãnh đạo luôn có chủ trương tìm kiếm và tuyển dụng nhân sự mới.

Trong năm 2017, đơn vị chuyên môn về nhân lực, kinh doanh cùng Ban lãnh đạo tiếp tục đẩy nhanh việc tìm kiếm và xây dựng đội ngũ kinh doanh tiếp thị, đảm bảo cho hoạt động Công ty ngày càng hiệu quả và phát triển.

Tập trung hoàn thiện việc quyết toán đơn hàng với mục tiêu nâng cao hiệu quả đơn hàng sản xuất ra, giảm hàng hóa tồn kho các loại trong năm 2017, đặc biệt lưu ý, đơn đốc các đơn vị sản xuất, phòng Ban chuyên môn, Ban tổng giám đốc cần tập trung thực hiện tốt công tác này.



YOGA

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2017

Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông đề ra cho năm hoạt 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch thực hiện 2017
Tổng doanh thu	3.243.240.000.000
Lợi nhuận sau thuế	177.772.500.000

ĐỐI NỘI

- Tập trung giám sát và chỉ đạo khắc phục các lĩnh vực yếu kém, cụ thể là sản xuất kinh doanh Ngành Sợi; tổ chức và phát triển đội ngũ kinh doanh tiếp thị nâng cao hiệu quả tìm kiếm và phát triển đơn hàng cho hoạt động Công ty.
- Tăng cường việc quản lý, theo dõi hoạt động Công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin của ban điều hành để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời.
- Thường xuyên soát xét Quy chế quản trị nội bộ và nâng cao hiệu quả thực hiện quản trị Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị tốt của quốc tế.

ĐỐI NGOẠI

Tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư, phát triển năng lực sản xuất công ty bảo đảm thực hiện tốt các nhu cầu mới của thị trường; phối hợp với các công ty tư vấn, viện nghiên cứu ... trong phát triển sản phẩm có tính năng đặc biệt nhằm thu hút & định hướng phát triển thị trường, phát triển đơn hàng với các chủng loại sản phẩm mới.

Mở rộng quan hệ đối ngoại tìm kiếm các giải pháp mới, các chương trình hợp tác, tăng cường cho đội ngũ quản lý các cấp thăm quan và học hỏi kinh nghiệm từ các Công ty hàng đầu, tìm hiểu và ứng dụng những mô hình sản xuất kinh doanh tiên tiến ... để ứng dụng vào SXKD & nâng cao hiệu quả hoạt động công ty.

Tăng cường và tạo mối quan hệ tốt với lãnh đạo Thành phố, Tỉnh có liên quan đến hoạt động Công ty và các cấp Sở Ban Ngành... để có được sự giúp đỡ, tạo điều kiện cho hoạt động Công ty, quảng bá tên tuổi hình ảnh Công ty nhằm thu hút các đối tác, nhà đầu tư, khách hàng ... vào việc đẩy mạnh hoạt động Công ty hơn nữa.

**"KEEPING THE RIGHT PEOPLE ON THE BUS
GET THE WRONG PEOPLE OFF THE BUS"**





05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO
VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH, BKS

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ qui định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện Nghị quyết bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng email.

Hàng tháng và hàng quý, Tổng giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty.

Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT. Thêm vào đó, HĐQT còn có thêm 03 thành viên tham gia điều hành nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo Tổng giám đốc không lạm quyền, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.



Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch HĐQT	24.000	0,05%
2	Kim Dong Ju	Phó chủ tịch HĐQT	1.617	0,003%
3	Lee Eun Hong	Thành viên HĐQT	8.200	0,017%
4	Trần Như Tùng	Thành viên HĐQT	27	0,00%
5	Nguyễn Minh Hảo	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Kim Soung Gyu	Thành viên HĐQT	0	0%
7	Han Kukyung	Thành viên HĐQT	0	0%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

TEXTILE GARMENT INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY (TCG)

KIẾN TẠO THÀNH CÔNG SUCCESS TOGETHER

TCMC - 12/12/2016



3.071 tỷ đồng

Doanh thu thuần trong năm đạt 3.071 tỷ đồng tăng 9,98% so với năm 2015

419 tỷ đồng

Lợi nhuận gộp năm 2016 Công ty Dệt May Thành công đạt 419 tỷ đồng

115 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Công ty đạt mức 115 tỷ đồng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2016

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-HĐQT	20/01/2016	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2016 và thanh toán đợt 1 – cổ tức 2015
2	02/2016/NQ-HĐQT	10/03/2016	Thông qua chương trình nghị sự ĐHCĐ 2016, Thông qua cách thức, danh sách ứng viên HĐQT còn thiếu để trình ĐHCĐ 2016
3	03/2016/NQ-HĐQT	01/04/2016	Gia hạn hạn mức tín dụng của các ngân hàng năm 2016
4	04/2016/NQ-HĐQT	08/04/2016	Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT
5	05/2016/NQ-HĐQT	19/07/2016	Chọn Công ty kiểm toán năm 2016 theo ủy quyền của ĐHCĐ
6	06/2016/NQ-HĐQT	14/10/2016	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thanh toán đợt 2 – cổ tức năm 2015
7	07/2016/NQ-HĐQT	14/10/2016	Thông qua việc từ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của ông Kim Soung Gyu

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia hoạt động HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT hoặc biểu quyết các vấn đề qua email.





DANH SÁCH CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Các thành viên HĐQT. Thành viên BKS. Giám đốc điều hành. Các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty



ÔNG NGUYỄN TỰ LỰC

Trưởng Ban Kiểm Soát



BÀ NGUYỄN MINH HẢO

Thành viên HĐQT



BÀ PHAN THỊ HUỆ

Chủ tịch HĐQT



BÀ HUỲNH THỊ THU SA

Thư ký công ty



ÔNG NGUYỄN HỮU TUẤN

Kiểm soát viên

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2016 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm phải họp tối thiểu 3 lần theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCM, cụ thể như sau:

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
Giám sát hoạt động của HĐQT, ban TGD và bộ máy quản lý điều hành Công ty

Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành

Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.



Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban	110	0,00%
2	Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	3.818	0,01%
3	Choi Haeoi	Thành viên	0	0,00%



Để đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật và việc quản lý, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, trên cơ sở đó Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát theo đúng kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát đã đề ra từ đầu nhiệm kỳ 2016-2021. Đồng thời xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết của HĐQT và Ban Giám đốc. Ngoài ra Ban Kiểm soát còn thực hiện các công việc như:

Thẩm tra tính chính xác các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

Đóng góp, tham vấn cho HĐQT, Ban giám đốc các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT (TT)

Thống kê các buổi họp

Đối với mỗi năm, ngoài các nội dung cơ bản, BKS đặt trọng tâm công việc vào từng mảng của Công ty. Cụ thể qua các buổi họp trong năm:

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Cuộc họp lần 1: "Xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS-TCG năm thứ nhất của nhiệm kỳ 2016-2021 và phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS. Thảo luận về số lần họp của BKS trong năm"	06/5/2016	Thống nhất ý kiến về phân công phụ trách thành 3 mảng: (1) Kế toán quản trị, tài chính và đầu tư do Ông Nguyễn Tự Lực đảm nhiệm; (2) Sản xuất kinh doanh do ông Choi Hae Oi phụ trách và (3) Quan hệ nhà đầu tư, chính sách đối với người lao động trong Công ty do ông Nguyễn Hữu Tuấn phụ trách + Thống nhất ý kiến về việc tổ chức 3 lần họp BKS trong năm.
2	Cuộc họp lần 2: "Đánh giá tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 của TCG"	20/7/2016	Thống nhất về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2016.
3	Cuộc họp lần 3: -"Kết quả hoạt động 9 tháng 2016" thảo luận nội dung trong cuộc họp HĐQT ngày 14/10/2016	18/11/2016	Thống nhất về tình hình hoạt động 9 tháng đầu. Các nội dung trong cuộc họp HĐQT ngày 14/10/2016.

Đánh giá của BKS về hoạt động SXKD và tình hình tài chính của TCM trên cơ sở một số chỉ tiêu cơ bản:

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Kết quả TH / KH
Doanh thu thuần về bán hàng	3.263.721.500.000	3.070.604.044.491	94%
Lợi nhuận sau thuế	160.209.400.000	115.038.337.291	72%



Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	46,61%	50,65%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	53,39%	49,35%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	67,54%	65,77%
4	Nguồn vốn Chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn	32,46%	34,23%
5	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,89 lần	1,07 lần
6	Khả năng thanh toán nhanh	0,40 lần	0,05 lần
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Doanh thu thuần	4,34%	4,61%
8	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần	3,75%	3,96%
9	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	4,73%	5,40%
10	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	4,08%	4,64%
11	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	12,56%	13,56%

Một số chỉ tiêu về tình hình hoạt động sản xuất

Số TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	so sánh (%) 2016/2015
1	SP chủ yếu				
	Sợi toàn bộ	Tấn	16.358	15.500	-5%
	Vải dệt thoi	1.000m	4.138	5.856	42%
	Vải dệt kim	Tấn	6.236	7.418	19%
	SP may	1.000SP	18.432	25.330	37%
2	Doanh số	1000 Tỷ đồng	2.79	3.07	10%
	Trong đó: doanh số XK	1.000USD	114.754	125.586	9 %



BAN KIỂM SOÁT (TT)

Một số chỉ tiêu về lao động, tiền lương

Số TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	So (%) sánh 16/15
1	Lao động bình quân	Người	4.859	5.039	3,7%
2	Quỹ lương tính vào chi phí	Triệu đồng	458.224	529.025	15,5%
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/n/th	6210	7.005	12,8%
4	Thu nhập bình quân	1.000đ/n/th	7.859	8.749	11,3%

Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016

Trên cơ sở nội dung các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị Công ty đã cho tổ chức triển khai thực hiện trong toàn Công ty. Khi có những vấn đề quan trọng của Công ty ngoài thẩm quyền của HĐQT, HĐQT đã cho tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của tất cả cổ đông có sự giám sát của Ban kiểm soát bảo đảm tuân thủ đúng thể thức quy định.

Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời Trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

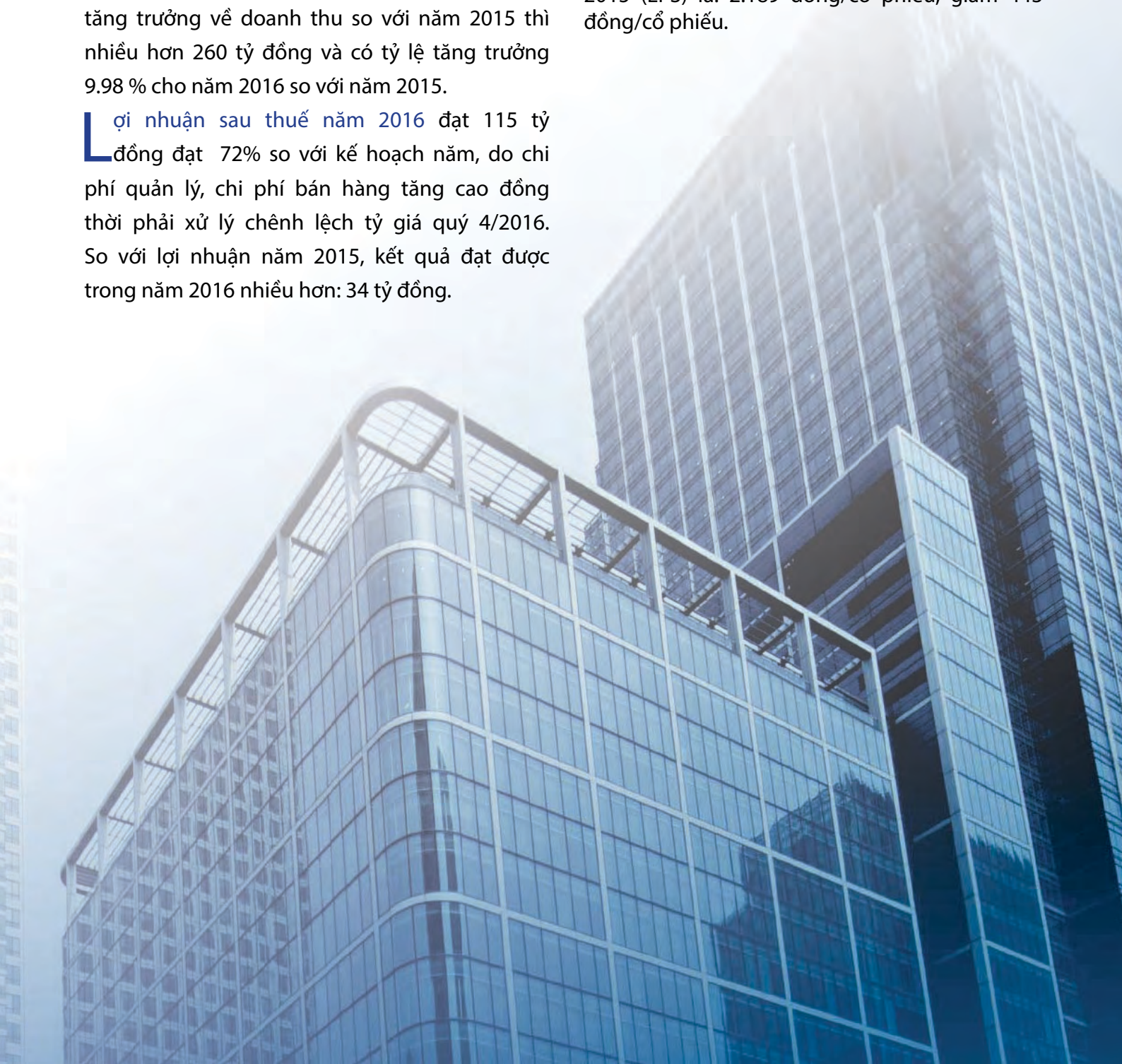
Về chỉ tiêu doanh thu thuần đạt 3.025 tỷ đồng so với kế hoạch tỷ lệ hoàn thành đạt 94 % do tình hình kinh tế trong và ngoài nước không khả quan làm thị trường sức mua giảm đi, giá bán giảm, tính cạnh tranh ngày càng gay gắt phần nào đã ảnh hưởng đến việc bán hàng của TCM. Nhưng khi so sánh về tốc độ tăng trưởng về doanh thu so với năm 2015 thì nhiều hơn 260 tỷ đồng và có tỷ lệ tăng trưởng 9.98 % cho năm 2016 so với năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 115 tỷ đồng đạt 72% so với kế hoạch năm, do chi phí quản lý, chi phí bán hàng tăng cao đồng thời phải xử lý chênh lệch tỷ giá quý 4/2016. So với lợi nhuận năm 2015, kết quả đạt được trong năm 2016 nhiều hơn: 34 tỷ đồng.

VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,8 lần cho thấy tình hình tài chính công ty đang tương đối ổn định, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 12,56% phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang hiệu quả.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2016 là: 1.746 đồng/cổ phiếu. So với cùng kỳ năm 2015 (EPS) là: 2.189 đồng/cổ phiếu, giảm 443 đồng/cổ phiếu.



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và ban Quản lý Công ty

BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và quyết định của HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch....

BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của công ty.

Trong năm 2016, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có, đánh giá tính phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn chưa chặt chẽ. Để TCM hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Về thuận lợi: Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện khi Ban Kiểm soát có lịch kiểm tra với các phòng ban Công ty. Trên cơ sở đó, các đơn vị phòng ban cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu.

Về khó khăn: Không có

Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2017

Kế hoạch hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát:

- Lập kế hoạch hoạt động của BKS trong năm (năm 2 nhiệm kỳ 2016~2021)
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành

Kiến nghị:
BKS không có ý kiến và kiến nghị, vì TCM đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành, BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình.



Đánh giá của Ban Kiểm Soát về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành

SỰ AM HIỂU KINH DOANH, T.M NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong ngành dệt may, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Về tầm nhìn chiến lược phát triển công ty trong thời gian tới, HĐQT đã có định hướng đầu tư phát triển mảng kinh doanh sản phẩm dệt may.

Trên cơ sở nội dung các Nghị quyết ĐHCĐ, Hội đồng quản trị Công ty đã cho tổ chức triển khai thực hiện trong toàn công ty. Khi có những vấn đề quan trọng của công ty ngoài thẩm quyền của HĐQT, HĐQT đã cho tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của tất cả cổ đông có sự giám sát của Ban kiểm soát bảo đảm tuân thủ đúng thể thức quy định.

Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời Trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất.

Tổng giám đốc có đầy đủ kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành Công ty, tuy nhiên có các tác động khách quan như: về thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô, lãi suất, lạm phát, giá trên thị trường hàng hóa,... làm ảnh hưởng tạo nên các thách thức cho việc quản lý, điều hành của Tổng giám đốc.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có 3 người đều tốt nghiệp đại học, có kinh nghiệm vì đã trải qua quá trình làm việc trong nhiều năm tại các doanh nghiệp nên có đủ năng lực và làm việc hiệu quả vì có phân công hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình kiểm tra giám sát tại công ty.

Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 1 nhiệm kỳ năm 2016 - 2021, từ tháng 5/2016 đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 đã được báo cáo thông qua Hội đồng quản trị, trong đó có lập kế hoạch họp của BKS là 3 lần trong năm và có phân công cụ thể cho từng thành viên đảm trách các công việc có trách nhiệm trong báo cáo chung của Ban kiểm soát thông qua HĐQT và báo cáo trước ĐHCĐ thường niên, cụ thể đã được thống kê chi tiết tại các buổi họp Ban Kiểm soát được nêu ở trên

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	2016		
		Lương (vnd/năm)	Thưởng (vnd/năm)	Thù lao (vnd/ năm)
1	Hội đồng quản trị			
-	Bà Phan Thị Huệ	543.944.222	45.270.432	120.381.989
-	Ông Kim Dong Ju	3.941.923.076	329.000.000	80.254.659
-	Ông Lee Eun Hong	1.927.455.493		80.254.659
-	Ông Kim Jung Heon			20.063.665
-	Ông Han Kukyung			0
-	Bà Nguyễn Minh Hào	753.074.717	102.270.568	80.254.659
-	Ông Trần Như Tùng	683.287.738	70.019.351	80.254.659
2	Ban kiểm soát			
-	Ông Nguyễn Tự Lực			43.200.000
-	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	694.611.954	75.025.158	32.400.000
-	Ông Choi Haeoi			8.100.000
-	Bà Đinh Thị Thu Hằng			24.300.000
3	Ban điều hành			
-	Ông Kim Dong Ju	3.941.923.076	329.000.000	80.254.659
-	Ông Kim Soung Gyu	1.920.258.733	136.273.846	0
-	Bà Nguyễn Minh Hào	753.074.717	102.270.568	80.254.659

Thù lao năm 2016 của HĐQT được liệt kê như bảng bên trên, trong đó 10% tổng thù lao được HĐQT trích lại để đóng góp vào các hoạt động từ thiện của Công ty.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
1	CTCP Chứng khoán Thành Công	Là người có liên quan của ông Trần Như Tùng – Thành viên HĐQT	200.006	0,43%	6	0,00%	Bán ngày 19/07/2016
2	Lee Eun Hong		0	0,00%	8200	0,017%	Mua ngày 07/2/2017

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2007. Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Với việc tuân thủ nghiêm túc các qui định về quản trị công ty và từng bước cải thiện chỉ số quản trị theo các thông lệ quản trị quốc tế, năm 2016 Công ty được lựa chọn tham gia chương trình Thẻ điểm Quản trị Công ty Việt Nam- sáng kiến quản trị do IFC phối hợp Ủy ban chứng khoán nhà nước. Việc được đào tạo, tiếp cận với các thông lệ tốt về quản trị công ty sẽ giúp cho Thành Công từng bước nâng cao hiệu quả quản trị, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động, góp phần tăng giá trị Công ty và thu hút nhà đầu tư trên thị trường vốn.







06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Thành Công hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường. Công ty tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường

Công ty đã đầu tư dự án hệ thống xử lý nước thải với sự phê duyệt của Bộ Công nghiệp, giá trị tổng mức đầu tư lên đến 30 tỷ đồng, do Công ty Seen thiết kế và lắp đặt. Chất lượng nước thải đầu ra đạt TCVN: 5945-1995 và TCVN 5.984 -2.001. Ngoài ra, tất cả các lò đốt phục vụ các công đoạn sản xuất Dệt – Nhuộm – May khếp kín đều được trang bị hệ thống thiết bị xử lý khói, bụi.

Cùng với quá trình phát triển sản xuất, Thành Công vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Về lâu dài, Công ty có kế hoạch

di dời một số nhà máy đến các khu công nghiệp được quy hoạch cho ngành công nghiệp nhuộm, không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh. Trước mắt, Công ty liên tục đầu tư và ứng dụng các chương trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và khói thải để đạt được sự ổn định và kết quả tốt hơn

Thành Công luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

Để tạo dựng TCM thành một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty đã đặt ra những chính sách về vấn đề môi trường của Công ty như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:
 1. Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt;
 2. Xử lý rác và nước thải;
 3. Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên;
- Phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất.
- Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường.
- Chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.





TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Bên cạnh nỗ lực không ngừng để ngày càng nâng cao doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận. Công ty tiếp tục đầu tư và ngày càng đa dạng hóa các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) - đây là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như xu thế phát triển của các công ty toàn cầu. Tiếp nối những hoạt động thiết thực đã được triển khai trong những năm trước, trong năm 2016 Công ty tiếp tục triển khai và nhân rộng các công tác sau:

- Phục vụ Bếp ăn từ thiện Phường Bình Hưng Hòa. Quận Tân Phú
- Happy Mart - Cửa hàng phi lợi nhuận
- Chương trình 10.000 Màu Nhiệm
- Bảo trợ Mái ấm Thiên Ân, Sơn Kỳ, Huỳnh Đệ Như Nghĩa trên địa bàn quận Tân Phú
- Trao học bổng cho học sinh, sinh viên
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe. y tế
- Hiến máu nhân đạo
- Hoạt động hỗ trợ cộng đồng
- Hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ (NGO)



BẾP ĂN TỪ THIỆN - QUẬN TÂN PHÚ

Xung quanh bếp ăn từ thiện là nhiều cảnh đời cơ cực, nhiều hoàn cảnh thương tâm, cần lắm sự giúp đỡ, đùm bọc của cộng đồng. Đó là những bệnh nhân, người chăm bệnh, trẻ mồ côi, người già cơ nhỡ, người tàn tật... cơm chưa đủ no áo chưa đủ ấm, nhưng hàng ngày vẫn phải chống chọi với bệnh tật, vật lộn với sự nghèo khó để tồn tại một cách chật vật trong cuộc sống.



Đều đặn mỗi tháng, những suất cơm thanh đạm, những viên thuốc nghĩa tình được các tình nguyện viên trao tận tay bà con, tiếng nói cười, tiếng cảm ơn rớt rít làm không khí trở nên ấm áp hơn. Đây là hoạt động thường xuyên có ý nghĩa thiết thực của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đã phục vụ khoảng 1,200 suất cơm và tổ chức khám, phát thuốc miễn phí cho gần 500 người nghèo tại đây. Ngoài ra, trong các dịp đặc biệt như Lễ, Tết hoặc kỷ niệm thành lập Công ty, Công ty còn trao tặng quà là nhu yếu phẩm, lương thực, áo thun như một

nghĩa cử đồng hành cùng các hoàn cảnh khó khăn.

Tuy bếp ăn yêu thương đã ngưng hoạt động từ tháng 11/2016 nhưng trong 3 năm qua, hoạt động này đã cung cấp những suất cơm yêu thương đến gần 5000 lượt bệnh nhân nghèo và người nhà bệnh nhân với tổng trị giá hơn 404 triệu đồng. Việc làm này không những mang ý nghĩa động viên, chia sẻ nỗi vất vả của bà con nghèo mà còn góp phần lan tỏa lòng nhân ái trong xã hội.



1.200

Suất cơm và lượt khám bệnh,
phát thuốc miễn phí được
Công ty phục vụ cho bà con
trong năm 2016

5.000

Trong ba năm thực hiện
chương trình, Thành Công đã
cung cấp những suất cơm yêu
thương đến 5.000 trường hợp





HAPPY MART CỬA HÀNG PHI LỢI NHUẬN

Nằm trong chuỗi các hoạt động chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty 16/08/1976 – 16/08/2016, ngày 29/08/2016 Công ty đã chính thức khai trương Cửa hàng Happy Mart - một hình thức bán hàng không lợi nhuận với mặt hàng chính bao gồm nhu yếu phẩm - để phục vụ cho cán bộ công nhân viên Thành Công. Với thông điệp “Yêu thương từ góc bếp”, giá bán tại Happy Mart luôn thấp hơn giá thị trường từ 20% đến 30%, Happy Mart mở cửa định kỳ mỗi tuần một lần.

Hoạt động trên nhận được rất nhiều sự ủng hộ từ cán bộ công nhân viên Công ty. Tính đến nay, Cửa hàng đã bán được 7,923 sản phẩm với tổng số tiền hỗ trợ từ Quỹ từ thiện Eland là 50 triệu đồng. Hy vọng hình thức phục vụ mới này sẽ ngày càng phát triển.





Hiến máu nhân đạo là một nghĩa cử cao đẹp của hàng giờ, trên cả nước và hoàn cảnh rất khó khăn vì cung cấp cho những ca cấp cứu của ngày hiến máu nhân đạo. Ngày hội hiến máu nhân đạo “Ngày hồng hạnh phú” đã cán bộ công nhân viên Kết thúc ngày hội, số lượng được lên tới 418 đơn vị m



HIẾN MÁU CỨU NGƯỜI

... một hành động cao cả, một
... toàn xã hội. Hằng ngày,
... vẫn luôn gặp phải những
... không có đủ máu kịp thời
... cấp cứu. Tiếp nối sự thành
... nhân đạo những năm qua,
... tháng 08/2016 với chủ
... "tiếp tục thu hút đông
... n trong Công ty tham gia.
... ng đơn vị máu hiến nhận
... ấu.





10.000 MÀU NHIỆM

Chương trình được triển khai từ tháng 07 năm 2015, chương trình “10,000 Mầu Nhiệm” đến nay đã trở nên quen thuộc với cán bộ công nhân viên Thành Công. Với mục đích quyên góp để đồng hành cùng các hoàn cảnh khó khăn gặp tai nạn đột xuất hay mắc bệnh hiểm nghèo, đến nay Chương trình đã hỗ trợ được 11 trường hợp với tổng số tiền 951.757.000 đồng.



BẢO TRỢ MÁI ẤM

Đối tượng phục vụ là những trẻ em khuyết tật tại mái ấm Thiên Ân, Huỳnh Đệ Như Nghĩa, và các trẻ em nam mồ côi tại mái ấm Sơn Kỳ.

Công ty sẽ cung cấp nhu yếu phẩm hàng tháng, tặng đồng phục, sách giáo khoa, các hoạt động chăm sóc cả về tinh thần và vật chất như: dọn dẹp vệ sinh cho mái ấm, tổ chức hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức đá bóng giao hữu, tổ chức nấu ăn phục vụ tại chỗ cho các mái ấm, tặng thiệp và quà Trung thu, Giáng sinh, quà Tết, các hoạt động chăm sóc y tế như tặng thẻ BHYT, hỗ trợ chi phí điều trị bệnh cho những em mắc bệnh hiểm nghèo

Kết quả Công ty đã hỗ trợ 1.704 trường hợp tương ứng khoản kinh phí 250 triệu đồng.



TRAO HỌC BỔNG CHO HỌC SINH SINH VIÊN

Trong năm 2016, Công ty đã trao tặng học bổng cho 158 suất tương ứng kinh phí 231,2 triệu đồng, trong đó:

Học bổng hàng tháng: 48 suất, tổng kinh phí 31,2 triệu đồng

Học bổng Nguyễn Hữu Thọ Quận Tân Phú: 100 triệu đồng gồm tiền mặt, xe đạp và áo thun

05/11/2016 Lần thứ 3 Công ty tham gia trao tặng "Học bổng tuyên dương học sinh giỏi dân tộc thiểu số do Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng một số đơn vị phối hợp tổ chức tại Hà Nội: 100 triệu đồng





HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

Ngày 28/1/2016 và ngày 24/08/2016, Công ty đã đến thăm, tặng quà cho 11 hộ gia đình nghèo của ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long và tặng 120 áo thun Thành Công cho bà con nghèo của Tỉnh. Bên cạnh đó, Công ty cũng đến thăm và tặng quà gồm các nhu yếu phẩm, tổng trị giá hơn 10 triệu đồng cùng 200 áo thun Thành Công cho Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 15/2/2016, Công ty tổ chức họp mặt ban lãnh đạo nhân dịp đầu năm mới, đồng thời tổ chức buổi đấu giá từ thiện nhằm gây Quỹ phục vụ hoạt động từ thiện của Công ty. Đây là hoạt động thường niên và được xem là một trong những nét văn hóa của Công ty.

Nhân dịp lễ Giáng sinh và năm mới, Công ty Thành Công cùng các Công ty Hàn Quốc tại Việt Nam đã quyên góp những sản phẩm tồn kho để ủng hộ hoạt động bán hàng tại hội chợ Phú Mỹ Hưng, Quận 7 gây quỹ từ thiện. Tổng số tiền hỗ trợ là 15.035.002 đồng tương đương 300 áo thun.

Hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ (NGO) Trong năm 2016, Công ty đã trao tặng gần 5.000 áo thun – sản phẩm do Công ty sản xuất, tương ứng khoản đóng góp 217.891.717 đồng

Hoạt động chăm sóc sức khỏe, y tế, cấp phát thuốc miễn phí cũng đã phục vụ được 2.997 lượt người, tương đương kinh phí 1.391.456.718 đồng trong năm 2016.





CHI NHẬN TỪ CỘNG ĐỒNG



Trong năm 2016, Các hoạt động vì cộng đồng của Công ty đã nhận được sự ghi nhận tích cực từ các cơ quan ban ngành, tiêu biểu như Bảng Tri Ân và bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Thành phố Hồ Chí Minh, Bằng khen của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sự công nhận lớn nhất từ Cộng đồng mà TCM nhận được chính là nụ cười hạnh phúc trên môi của mỗi người lao động, mỗi hoàn cảnh khó khăn, mỗi tấm gương vượt khó mà Công ty có cơ hội được hỗ trợ, được cùng nhau tạo cơ hội để phát triển tốt hơn.







The background of the slide is a blurred photograph of a desk. On the left, there is a white coffee cup on a saucer. In the center, a pair of glasses with a dark frame and red temples lies on a document. In the bottom left corner, a portion of a blue pie chart is visible, with the text 'Value of all subdivisions' printed on it. The right side of the slide is covered by a solid dark blue vertical rectangle, which contains the title and subtitle text.

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, P. Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +848 3910 0751
Fax : +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 332 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07 tháng 3 năm 2017, từ trang 3 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo hợp lý về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 07 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2133-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.310.067.607.570	1.171.380.263.282
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	96.377.125.372	88.198.067.189
1. Tiền	111		32.677.125.372	37.498.067.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.700.000.000	50.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.500.000.000	4.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	29.500.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369.199.495.533	200.230.642.322
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	345.704.767.401	157.254.434.374
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.861.780.358	38.716.032.088
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.850.301.999	1.850.301.999
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.198.571.309	6.825.799.395
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.415.925.534)	(4.415.925.534)
IV. Hàng tồn kho	140	10	728.759.299.636	780.566.506.893
1. Hàng tồn kho	141		739.597.713.185	786.523.332.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.838.413.549)	(5.956.825.863)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.231.687.029	97.885.046.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.885.917.359	13.438.435.227
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		78.345.769.670	84.446.611.651
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.510.325.923.000	1.337.877.302.674
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		35.000.000	35.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.178.371.529.332	870.879.438.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	770.002.579.209	678.830.080.393
- Nguyên giá	222		1.552.222.047.727	1.421.251.210.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(782.219.468.518)	(742.421.130.281)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	199.346.444.332	96.422.894.301
- Nguyên giá	225		224.035.839.632	108.078.746.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24.689.395.300)	(11.655.852.561)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	209.022.505.791	95.626.463.703
- Nguyên giá	228		229.685.557.260	113.227.155.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.663.051.469)	(17.600.691.997)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	6.491.395.858	116.309.421.416
- Nguyên giá	231		7.897.072.749	117.556.801.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.405.676.891)	(1.247.380.235)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.338.906.799	59.080.222.944
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		9.507.504.377	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	23.831.402.422	59.080.222.944
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		142.149.541.831	139.780.655.673
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	138.069.338.781	136.537.892.373
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	5.827.050.000	5.352.050.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(1.746.846.950)	(2.109.286.700)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		149.939.549.180	151.792.564.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	141.918.475.336	149.707.706.815
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	8.021.073.844	2.084.857.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.820.393.530.570	2.509.257.565.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.904.821.530.995	1.613.565.253.228
I. Nợ ngắn hạn	310		1.468.018.768.946	1.231.314.867.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	238.888.802.282	211.708.214.262
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	138.593.206.743	62.187.165.921
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	12.381.067.431	2.716.685.719
4. Phải trả người lao động	314		90.226.092.466	53.649.158.385
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	11.337.687.924	31.964.913.478
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	22.156.469.292	9.332.419.792
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	893.514.225.053	817.864.155.627
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.921.217.755	41.892.154.200
II. Nợ dài hạn	330		436.802.762.049	382.250.385.844
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		469.884.400	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	26	19.809.320.987	19.825.448.142
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	391.549.444.662	340.203.753.202
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	28	24.974.112.000	22.221.184.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		915.571.999.575	895.692.312.728
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	915.571.999.575	895.692.312.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		491.999.510.000	491.999.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.720.075.000	22.720.075.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		171.151.233.610	117.415.559.259
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.438.003.113	27.438.003.113
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		200.906.214.470	235.510.076.193
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		86.615.751.398	81.979.578.048
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		114.290.463.072	153.530.498.145
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	7.296.953.382	6.549.079.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.820.393.530.570	2.509.257.565.956

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng

Kim Đông Jù
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 3 năm 2017

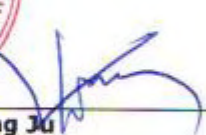
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.072.766.858.588	2.794.730.896.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.162.814.097	2.835.426.366
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	3.070.604.044.491	2.791.895.470.482
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	2.651.509.757.559	2.365.472.349.091
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		419.094.286.932	426.423.121.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	26.096.293.991	24.130.789.273
7. Chi phí tài chính	22	37	67.621.673.681	86.883.171.806
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.659.023.939	27.382.928.849
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	16	2.572.396.408	5.493.869.529
9. Chi phí bán hàng	25		96.772.665.321	85.893.936.177
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		143.687.920.673	121.188.815.922
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		139.680.717.656	162.081.856.288
12. Thu nhập khác	31	38	3.404.284.624	6.652.552.400
13. Chi phí khác	32	39	9.808.617.078	1.776.541.888
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.404.332.454)	4.876.010.512
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		133.276.385.202	166.957.866.800
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	24.174.264.326	13.262.950.643
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	40	(5.936.216.415)	(44.158.842)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		115.038.337.291	153.739.074.999
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		114.290.463.072	153.530.498.145
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	30	747.874.219	208.576.854
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	1.746	2.189


Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập


Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


Kim Dong Ju
 Tổng Giám đốc
 Ngày 07 tháng 3 năm 2017

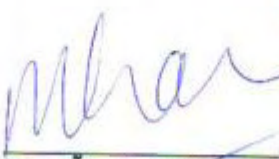


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	133.276.385.202	166.957.866.800
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	86.237.040.959	69.207.337.981
Các khoản dự phòng	03	4.519.147.936	(16.011.801.516)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.340.849.386	16.032.094.035
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.581.607.184)	(12.242.822.600)
Chi phí lãi vay	06	37.659.023.939	27.382.928.849
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	267.450.840.238	251.325.603.549
Tăng các khoản phải thu	09	(159.273.596.691)	(67.985.750.158)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	46.875.965.349	(127.601.949.676)
Tăng các khoản phải trả	11	126.259.979.516	54.271.506.659
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	38.646.699.948	(66.148.514.710)
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.266.366.613)	(27.370.381.746)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.538.725.074)	(14.585.976.680)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	53.680.000	38.570.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.083.765.889)	(10.857.353.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	240.124.710.784	(8.914.246.524)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(189.362.910.333)	(239.723.017.181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.666.495.264	4.268.719.942
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(475.000.000)	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.503.031.521	5.278.143.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(204.668.383.548)	(230.176.153.650)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.560.398.900.340	2.338.483.260.550
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.511.025.889.622)	(2.067.774.343.109)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(35.782.691.276)	(25.234.822.061)
4. Cổ tức đã trả	36	(40.883.063.650)	(58.907.353.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.292.744.208)	186.566.741.700
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	8.163.583.028	(52.523.658.474)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	88.198.067.189	140.749.128.463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.475.155	(27.402.800)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	96.377.125.372	88.198.067.189


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập


Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng


Kim Dong Joo
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 3 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 số 0301446221 ngày 17 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của chủ sở hữu là 491.999.510.000 đồng. Cổ đông chính của Công ty mẹ là E-land Asia Holdings Pte Ltd, một Công ty thành lập tại Singapore.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.592 (31 tháng 12 năm 2015: 6.288).

Công ty mẹ có văn phòng chính tại Khu Công nghiệp Tân Bình và các nhà xưởng tại huyện Hóc Môn, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TCM.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và thương mại dệt may, chi tiết như sau:

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may;
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh – thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; và
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Các công ty con				
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94	70,94	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Thành Quang	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	97,50	97,50	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi
Công ty TNHH Một thành viên Thành Công – Vĩnh Long	Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100	100	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, xơ, sợi, quần áo, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, hoá chất (trừ hoá chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may
Công ty TNHH TC Tower	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	85,33	85,33	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV TC Eland	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh các sản phẩm may mặc

Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Thành Quang và Công ty TNHH TC Tower chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thành Chí	TP. Vũng Tàu	47,43	47,43	Mua bán và khai thác cát, đá
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	24,75	24,75	Môi giới chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	23,79	23,79	Xây dựng và quản lý dự án
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu	Bà Rịa, TP. Vũng Tàu	30,00	30,00	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày tại Thuyết minh số 30) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với

phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thể thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thể thương mại

Lợi thể thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thể kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thể thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	7 - 15
Tài sản khác	7 - 22

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giấy phép bản quyền và phần mềm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính là thuê máy móc và thiết bị được khấu hao trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm tòa nhà cho thuê do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Tòa nhà cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại các Khu công nghiệp Xuyên Á - Tỉnh Long An, Khu công nghiệp Nhì Xuân - Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh và Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long và các khoản trả trước dài hạn khác (được phân bổ không quá 3 năm). Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 45 đến 58 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu

trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Điều lệ của các công ty con và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do Công ty mẹ nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	800.495.715	919.707.232
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.876.629.657	36.578.359.957
Các khoản tương đương tiền	63.700.000.000	50.700.000.000
	96.377.125.372	88.198.067.189

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn ba tháng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất từ 4,3% đến 5,4% (năm 2015: trung bình 5,3%/năm).

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn sáu tháng. Khoản tiền gửi này hưởng lãi suất 6,5%/ năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu các bên thứ ba	134.392.130.776	81.866.503.487
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh số 44)	211.312.636.625	75.387.930.887
	345.704.767.401	157.254.434.374

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho bên thứ ba vay vào năm 2006. Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này được trích lập dự phòng toàn bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo chính sách kế toán của Công ty.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng nhân viên	713.648.803	4.596.847.944
Ký cược, ký quỹ	155.700.000	333.650.000
Phải thu về cổ tức	2.081.900.000	1.040.950.000
Phải thu khác	1.247.322.506	854.351.451
	4.198.571.309	6.825.799.395

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	70.871.994.553	-	78.146.323.784	-
Nguyên liệu, vật liệu	197.059.101.152	-	220.513.131.791	-
Công cụ, dụng cụ	1.596.215.812	-	3.105.675.871	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	152.768.251.161	-	188.247.179.291	-
Thành phẩm	308.618.865.103	10.838.413.549	271.456.261.043	5.956.825.863
Hàng hóa	4.246.861.749	-	5.011.570.589	-
Hàng gửi bán	4.436.423.655	-	20.043.190.387	-
	<u>739.597.713.185</u>	<u>10.838.413.549</u>	<u>786.523.332.756</u>	<u>5.956.825.863</u>

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	5.956.825.863	21.761.969.447
Trích lập trong năm	4.881.587.686	-
Hoàn nhập trong năm		(15.805.143.584)
Tại ngày cuối năm	<u>10.838.413.549</u>	<u>5.956.825.863</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	388.336.598.838	878.575.319.789	23.116.221.054	11.756.198.499	119.466.872.494	1.421.251.210.674
Tăng trong năm	1.915.340.909	9.989.469.200	1.998.281.309	1.697.080.256	6.200.574.593	21.800.746.267
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.648.512.911	88.520.691.358	-	625.343.193	28.038.992.709	142.833.540.171
Thanh lý	-	(26.755.394.081)	(216.674.500)	-	(6.281.549.004)	(33.253.617.585)
Giảm khác	-	-	-	(409.831.800)	-	(409.831.800)
Số dư cuối năm	415.900.452.658	950.330.086.266	24.897.827.863	13.668.790.148	147.424.890.792	1.552.222.047.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	109.245.687.103	526.018.877.570	11.045.683.592	6.818.768.203	89.292.113.813	742.421.130.281
Khấu hao trong năm	8.483.149.584	49.761.809.947	2.184.470.398	950.519.064	8.602.893.099	69.982.842.092
Thanh lý	-	(23.452.142.282)	(216.674.500)	-	(6.105.855.273)	(29.774.672.055)
Giảm khác	-	-	-	(409.831.800)	-	(409.831.800)
Số dư cuối năm	117.728.836.687	552.328.545.235	13.013.479.490	7.359.455.467	91.789.151.639	782.219.468.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	279.090.911.735	352.556.442.219	12.070.537.462	4.937.430.296	30.174.758.681	678.830.080.393
Tại ngày cuối năm	298.171.615.971	398.001.541.031	11.884.348.373	6.309.334.681	55.635.739.153	770.002.579.209

Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và 27, Công ty đã thế chấp nhà cửa và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 143 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 306,6 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 347 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 354 tỷ đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	108.078.746.862
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	115.957.092.770
Số dư cuối năm	224.035.839.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	11.655.852.561
Khấu hao trong năm	13.033.542.739
Số dư cuối năm	24.689.395.300
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	96.422.894.301
Tại ngày cuối năm	199.346.444.332

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	96.334.416.604	3.942.895.847	12.949.843.249	113.227.155.700
Tăng trong năm	-	1.409.653.200	-	1.409.653.200
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	472.829.552	472.829.552
Chuyển từ bất động sản đầu tư	114.575.918.808	-	-	114.575.918.808
Số dư cuối năm	210.910.335.412	5.352.549.047	13.422.672.801	229.685.557.260
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	9.951.987.248	3.229.134.197	4.419.570.552	17.600.691.997
Khấu hao trong năm	607.166.513	854.960.969	1.600.231.990	3.062.359.472
Số dư cuối năm	10.559.153.761	4.084.095.166	6.019.802.542	20.663.051.469
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	86.382.429.356	713.761.650	8.530.272.697	95.626.463.703
Số dư cuối năm	200.351.181.651	1.268.453.881	7.402.870.259	209.022.505.791

Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và 27, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9,1 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 9,4 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3,1 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 2,5 tỷ đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tòa nhà cho thuê	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	7.897.072.749	109.659.728.902	117.556.801.651
Tăng mới	-	4.916.189.906	4.916.189.906
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(114.575.918.808)	(114.575.918.808)
Số dư cuối năm	7.897.072.749	-	7.897.072.749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.247.380.235	-	1.247.380.235
Khấu hao trong năm	158.296.656	-	158.296.656
Số dư cuối năm	1.405.676.891	-	1.405.676.891
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	6.649.692.514	109.659.728.902	116.309.421.416
Tại ngày cuối năm	6.491.395.858	-	6.491.395.858

Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và 27, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6,5 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 6.6 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc của Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty có ý định nắm giữ lâu dài cũng như không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	59.080.222.944	20.916.163.961
Tăng trong năm	251.381.035.854	265.089.314.505
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(142.833.540.171)	(168.724.468.686)
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(115.957.092.770)	(36.736.761.529)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(472.829.552)	(1.486.321.938)
Kết chuyển khác	(27.366.393.883)	(19.977.703.369)
Tại ngày cuối năm	23.831.402.422	59.080.222.944

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 768.223.297 đồng (năm 2015: 1.535.197.469 đồng).

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Khu căn hộ - Thương mại Thành Công Tower 1	-	23.881.110.714
Mua sắm máy móc, thiết bị	23.353.493.331	34.721.203.139
Các dự án khác	477.909.091	477.909.091
	23.831.402.422	59.080.222.944

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	113.046.152.000	113.046.152.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	25.023.186.781	23.491.740.373
	138.069.338.781	136.537.892.373
Trừ lợi thế thương mại	6.384.523.879	6.384.523.879
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	131.684.814.902	130.153.368.494
Tổng tài sản	542.104.497.230	559.974.752.218
Tổng công nợ	84.466.818.949	110.045.056.599
Tài sản thuần	457.637.678.281	449.929.695.619
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	131.684.814.902	130.153.368.494
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần	12.131.928.746	18.260.840.761
Lợi nhuận thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.572.396.408	5.493.869.529

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi	1.576.000.000	1.576.000.000
Công ty Dệt May Huế	793.000.000	318.000.000
Công ty Cổ Phần SY Vina	883.450.000	883.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.449.600.000	2.449.600.000
	5.827.050.000	5.352.050.000
Dự phòng cho đầu tư dài hạn khác	(1.746.846.950)	(2.109.286.700)
Đầu tư tài chính khác thuần	4.080.203.050	3.242.763.300

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	149.707.706.815	70.275.464.954
Tăng trong năm	4.931.381.919	87.608.838.721
Phân bổ chi phí trong năm	(12.672.384.152)	(8.176.596.860)
Giảm khác	(48.229.246)	-
Tại ngày cuối năm	141.918.475.336	149.707.706.815

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê đất	131.033.068.576	135.266.756.512
Chi phí khác	10.885.406.760	14.440.950.303
	141.918.475.336	149.707.706.815

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15%	7,5%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng và chi phí phải trả	5.566.541.369	2.080.338.584
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	27.710.633
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến đánh giá lại quyền sử dụng đất đi góp vốn	2.548.816.238	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(94.283.763)	(23.191.788)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.021.073.844	2.084.857.429

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15%	7,5%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lãi dự thu	94.283.763	23.191.788
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(94.283.763)	(23.191.788)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả các bên thứ ba	229.990.341.441	229.990.341.441	167.958.560.272	167.958.560.272
b. Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 40)	8.898.460.841	8.898.460.841	43.749.653.990	43.749.653.990
	238.888.802.282	238.888.802.282	211.708.214.262	211.708.214.262

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước từ các bên thứ ba	138.593.206.743	62.187.165.921

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.454.333.992	24.174.264.326	(16.538.725.074)	9.089.873.244
Thuế thu nhập cá nhân	1.258.756.533	16.219.481.510	(15.999.466.018)	1.478.772.025
Thuế giá trị gia tăng	3.595.194	12.263.459.263	(10.454.632.295)	1.812.422.162
	2.716.685.719	52.657.205.099	(42.992.823.387)	12.381.067.431

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí lãi vay	8.331.255.245	6.793.211.074
Chi phí thuê đất	-	20.576.577.272
Chi phí khác	3.006.432.679	4.595.125.132
	<u>11.337.687.924</u>	<u>31.964.913.478</u>

24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kinh phí công đoàn	1.685.219.515	1.607.458.475
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.335.321.920	118.884.570
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.459.167.360	5.786.540.970
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.676.760.497	1.819.535.777
	<u>22.156.469.292</u>	<u>9.332.419.792</u>

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	821.046.582.267	821.046.582.267	2.506.935.728.837	2.441.659.147.730	755.770.001.160	755.770.001.160
- Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	33.136.374.937	96.492.088.663	63.355.713.726	63.355.713.726
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	388.914.982.246	388.914.982.246	1.064.344.552.872	969.075.267.486	293.645.696.860	293.645.696.860
- Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	50.166.209.691	50.166.209.691	63.377.500.011	13.211.290.320	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Hóc Môn	187.511.632.196	187.511.632.196	575.668.458.771	561.094.380.850	172.937.554.275	172.937.554.275
- Ngân hàng HSBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	53.323.413.907	53.323.413.907	241.907.481.178	257.728.153.573	69.144.086.302	69.144.086.302
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	124.842.076.890	124.842.076.890	446.509.645.196	442.953.171.535	121.285.603.229	121.285.603.229
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam ("VIB") - Chi nhánh FDI	16.288.267.337	16.288.267.337	73.022.240.823	92.135.320.254	35.401.346.768	35.401.346.768
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ VN - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	8.969.475.049	8.969.475.049	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	72.467.642.786	72.467.642.786	85.220.968.235	74.847.479.916	62.094.154.467	62.094.154.467
- Vay dài hạn đến hạn trả	31.068.740.399	31.068.740.399	37.958.065.850	39.087.901.570	32.198.576.119	32.198.576.119
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	41.398.902.387	41.398.902.387	47.262.902.385	35.759.578.346	29.895.578.348	29.895.578.348
	893.514.225.053	893.514.225.053	2.592.156.697.072	2.516.506.627.646	817.864.155.627	817.864.155.627

Công ty có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Tài sản thế chấp
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000 USD	1 năm	Hàng tồn kho
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	500.000.000.000 VND	1 năm	Tài sản cố định
Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10.000.000 USD	5 năm	Thư bảo lãnh của E-land World Ltd
BIDV - Chi nhánh Hóc Môn	380.000.000.000 VND	1 năm	Hàng tồn kho
HSBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.000 USD	1 năm	Hàng tồn kho
Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000.000 VND	1 năm	Hàng tồn kho
VIB - Chi nhánh FDI	50.000.000.000 VND	1 năm	Hàng tồn kho

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải nộp vào Kho bạc Nhà nước cho giá trị tăng thêm khi định giá lại các lô đất mà Công ty được giao hoặc thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản ngày 28 tháng 9 năm 2005, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích 36.716 m² đã được định giá lại. Khoản tiền này sẽ được trả khi Công ty hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay dài hạn	314.257.879.826	314.257.879.826	71.407.921.065	72.730.230.067	315.580.188.828	315.580.188.828
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	142.396.259.000	142.396.259.000	7.460.765.000	7.758.642.000	142.694.136.000	142.694.136.000
- E-Land Asia Holdings Pte Ltd	125.345.000.000	125.345.000.000	2.475.000.000	34.770.000.000	157.640.000.000	157.640.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Hóc Môn	42.785.352.729	42.785.352.729	55.835.325.060	23.203.621.923	10.153.649.592	10.153.649.592
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam ("ANZ") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.731.268.097	3.731.268.097	5.636.831.005	6.997.966.144	5.092.403.236	5.092.403.236
Nợ thuê tài chính dài hạn	77.291.564.836	77.291.564.836	99.686.899.970	47.018.899.508	24.623.564.374	24.623.564.374
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	77.291.564.836	77.291.564.836	99.686.899.970	47.018.899.508	24.623.564.374	24.623.564.374
	391.549.444.662	391.549.444.662	171.094.821.035	119.749.129.575	340.203.753.202	340.203.753.202

Các khoản vay dài hạn Công ty nhận được từ các ngân hàng trong nước và các cổ đông, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng
E-land Asia Holdings Pte Ltd	01/2011	6.000.000 USD	3 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0016/DTDA/13CD	23.830.000.000 VND	5 năm
	0026/DTDA/13CD	927.359 USD	5 năm
	0008/DTDA/15CD	140.202.000.000 VND	6 năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn	02/2015/93435/HĐTD	104.500.000 JPY	3 năm
	30/2014/93435/HĐTD	15.976.000.000 VND	3 năm
	01/2016/93435/HĐTD	83.231.000.000 VND	7 năm
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	849580-2	115.948 USD	3 năm
	8523772	82.600 USD	3 năm
	8560689	65.100 USD	3 năm
	869471-6	108.500 USD	3 năm
	8725043	107.800 USD	3 năm
	8746653	81.900 USD	3 năm
	8813247	1.252.278.475 VND	3 năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.13.10/CTTC	615.200 USD	3 năm
	72.13.11/CTTC	324.960 USD	3 năm
	72.14.06/CTTC	386.400 USD	3 năm
	72.14.07/CTTC	555.555 USD	3 năm
	72.14.08/CTTC	535.200 USD	3 năm
	72.14.09/CTTC	216.321,6 USD	3 năm
	72.14.15/CTTC	232.800 USD	3 năm
	72.14.16/CTTC	394.400 USD	3 năm
	72.15.01/CTTC	81.600 USD	3 năm
	72.15.02/CTTC	213.921,6 USD	3 năm
	72.15.03/CTTC	525.000 USD	3 năm
	72.15.04/CTTC	275.200 USD	5 năm
	72.16.01/CTTC	382.400 USD	5 năm
	72.16.02/CTTC	239.760 USD	5 năm
	72.16.03/CTTC	62.350.000 JPY	5 năm
	72.16.04/CTTC	638.000 USD	5 năm
	72.16.05/CTTC	348.000 USD	5 năm
	72.16.06/CTTC	112.480 USD	5 năm
	72.16.08/CTTC	90.000 CHF	5 năm
	72.16.10/CTTC	294.345 USD	5 năm
	72.16.11/CTTC	1.423.205 USD	5 năm
	72.16.12/CTTC	523.200 USD	5 năm

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	31.068.740.399	32.198.576.119
Trong năm thứ hai	20.494.129.816	33.944.460.778
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	293.763.750.010	265.018.700.550
Sau năm năm	16.617.027.500	
	345.326.620.225	347.778.764.947
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	31.068.740.399	32.198.576.119
Số phải trả sau 12 tháng	314.257.879.826	315.580.188.828

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản thuê máy móc từ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuế tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuế tối thiểu	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuế tài chính	126.502.018.849	56.733.241.527	118.690.467.223	54.519.142.722
Trong vòng một năm	44.687.905.842	30.457.407.872	41.398.902.387	29.895.578.348
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	25.638.832.994	26.275.833.655	23.520.842.811	24.623.564.374
Sau năm năm	56.175.280.013		53.770.722.025	
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	7.811.551.626	2.214.098.805	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuế tài chính phải trả	118.690.467.223	54.519.142.722	118.690.467.223	54.519.142.722
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			41.398.902.387	29.895.578.348
Số phải trả sau 12 tháng			77.291.564.836	24.623.564.374

28. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo quy định hiện hành.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Danh sách các cổ đông chính của Công ty mẹ năm giữ 5% số lượng cổ phần trở lên và các cổ đông khác được chốt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") tại ngày 17 tháng 02 năm 2017 và 19 tháng 02 năm 2016 như sau:

	Tại ngày 17/02/2017			Tại ngày 19/02/2016		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	21.270.799	43,23	212.707.990.000	21.270.799	43,23	212.707.990.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam Vinatex (*)	9	-	90.000	9	-	90.000
Khác	27.828.693	56,57	278.286.930.000	27.828.693	56,57	278.286.930.000
Cổ phiếu quỹ	100.450	0,20	1.004.500.000	100.450	0,20	1.004.500.000
	49.199.951	100	491.999.510.000	49.199.951	100	491.999.510.000

(*) Vinatex là cổ đông Nhà nước

Cổ phiếu

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phần đã phát hành	49.199.951	49.199.951
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.450	100.450
Số lượng cổ phần đang lưu hành	49.099.501	49.099.501

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cổ định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	66.895.435.333	27.438.003.113	204.059.505.845	807.172.539.291
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	153.530.498.145	153.530.498.145
Phân phối quỹ	-	-	-	50.520.123.926	-	(92.620.227.197)	(42.100.103.271)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(29.459.700.600)	(29.459.700.600)
Số dư đầu năm nay	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	117.415.559.259	27.438.003.113	235.510.076.193	889.143.233.565
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	114.290.463.072	114.290.463.072
Phân phối quỹ	-	-	-	53.735.674.351	-	(99.794.823.795)	(46.059.149.444)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(49.099.501.000)	(49.099.501.000)
Số dư cuối năm nay	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	171.151.233.610	27.438.003.113	200.906.214.470	908.275.046.193

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 4 năm 2016, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu và các cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch trích lập cho quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 35% và 30% từ lợi nhuận sau thuế năm 2015.

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được tính như sau:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND
Vốn điều lệ của công ty con	21.700.000.000	22.000.000.000	127.320.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Vốn góp từ Công ty mẹ	15.395.000.000	21.450.000.000	127.320.000.000
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	6.305.000.000	550.000.000	-
Tỷ suất lợi ích cổ đông không kiểm soát	29,06%	2,50%	14,67%

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND	Tổng VND
Tổng tài sản	28.244.742.747	22.000.000.000	136.827.504.377	187.072.247.124
Tổng công nợ	4.933.509.911	-	9.686.583.312	14.620.093.223
Tài sản thuần	23.311.232.836	22.000.000.000	127.140.921.065	172.452.153.901
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp chủ sở hữu	21.700.000.000	22.000.000.000	127.320.000.000	171.020.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(1.340.000.000)	-	-	(1.340.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	2.951.232.836	-	(179.078.935)	2.772.153.901
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	6.773.224.262	550.000.000	(26.270.880)	7.296.953.382
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp chủ sở hữu	6.305.000.000	550.000.000	-	6.855.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(389.404.000)	-	-	(389.404.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	857.628.262	-	(26.270.880)	831.357.382

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND	Tổng VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty con	2.672.698.610	-	(179.078.935)	2.493.619.675
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	774.145.099	-	(26.270.880)	747.874.219

Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số đầu năm	7.055.000.000	(389.404.000)	(116.516.837)	6.549.079.163
Lợi nhuận trong năm	-	-	747.874.219	747.874.219
Số cuối năm	7.055.000.000	(389.404.000)	631.357.382	7.296.953.382

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
- Trong vòng một năm	7.095.845.733	6.525.437.584
- Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	22.206.444.965	25.258.950.336
- Sau năm năm	27.445.326.476	25.099.717.815
	56.747.617.174	56.884.105.735

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	566.620	1.360.416
Yên Nhật (JPY)	97.887	99.339
Euro (EUR)	210	221

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
May mặc và dệt may		
Doanh thu	3.030.867.301.671	2.755.954.819.482
Giá vốn	2.627.065.159.163	2.343.359.998.545
Lợi nhuận gộp	403.802.142.508	412.594.820.937
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe		
Doanh thu	34.012.727.515	28.890.853.838
Giá vốn	23.580.754.467	21.905.601.829
Lợi nhuận gộp	10.431.973.048	6.985.252.009
Khác		
Doanh thu	5.724.015.305	7.049.797.162
Giá vốn	863.843.929	206.748.717
Lợi nhuận gộp	4.860.171.376	6.843.048.445

Báo cáo tài chính hợp nhất không trình bày báo cáo bộ phận theo tài sản do Ban Giám đốc không có thông tin về bộ phận này.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do không đủ cơ sở để tiến hành chia tách.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong nước		
Doanh thu	264.412.569.504	278.674.548.259
Giá vốn	253.926.058.262	253.014.955.628
Lợi nhuận gộp	10.486.511.242	25.659.592.631
Xuất khẩu		
Doanh thu	2.806.191.474.987	2.513.220.922.223
Giá vốn	2.397.583.699.297	2.112.457.393.463
Lợi nhuận gộp	408.607.775.690	400.763.528.760

33. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Sản phẩm vải và may mặc	2.964.656.684.091	2.678.348.158.423
Phí gia công	68.373.431.677	79.560.031.576
Khác	39.736.742.820	36.822.706.849
	3.072.766.858.588	2.794.730.896.848
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 44)	930.030.416.309	949.586.523.413
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại/giảm giá	(2.162.814.097)	(2.835.426.366)
	3.070.604.044.491	2.791.895.470.482

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.592.801.111.719	1.445.023.026.180
Chi phí nhân công	564.181.341.832	462.098.414.744
Chi phí khấu hao	72.652.299.518	60.189.240.713
Chi phí sản xuất chung	421.011.160.561	397.954.918.737
Chi phí khác	863.843.929	206.748.717
	2.651.509.757.559	2.365.472.349.091

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.492.919.379.609	1.348.850.566.683
Chi phí nhân công	630.807.203.787	516.950.709.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.237.040.959	69.207.337.981
Chi phí dịch vụ bên ngoài	615.068.923.476	570.692.675.065
Chi phí khác	122.411.957.945	121.921.028.316
	2.947.444.505.776	2.627.622.317.428

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.461.746.642	2.656.896.347
Cổ tức được chia	359.914.400	176.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.274.632.949	21.297.642.926
	26.096.293.991	24.130.789.273

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	37.659.023.939	27.382.928.849
Hoàn nhập dự phòng các khoản dự phòng đầu tư tài chính	(362.439.750)	(390.564.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.325.089.492	59.890.806.957
	67.621.673.681	86.883.171.806

38. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.187.549.734	3.915.806.724
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	444.745.441	883.449.875
Thu nhập khác	771.989.449	1.853.295.801
	3.404.284.624	6.652.552.400

39. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư	315.282.755	879.738.687
Chi phí khác	9.493.334.323	896.803.201
	9.808.617.078	1.776.541.888

40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.469.174.877	12.842.606.621
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(294.910.551)	420.344.022
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.174.264.326	13.262.950.643

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	133.276.385.202	166.957.866.800
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	27.703.594.538	1.583.068.814
- Tăng thu nhập chịu thuế	38.150.458.589	9.858.885.347
- Giảm thu nhập chịu thuế	(10.446.864.051)	(8.275.816.533)
Thu nhập tính thuế	160.979.979.740	168.540.935.614
Trong đó:		
+ Thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	154.536.421.547	167.085.462.226
+ Thu nhập từ TC Eland	3.102.684.922	450.359.579
+ Thu nhập khác	3.340.873.271	1.005.113.809
Thuế suất áp dụng		
+ Đối với thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	15%	15%
+ Đối với thu nhập từ TC Eland	20%	20%
+ Đối với thu nhập khác	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.469.174.877	25.374.016.288
Giảm thuế	-	(12.531.409.667)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	24.469.174.877	12.842.606.621
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.936.216.415	44.158.842
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.936.216.415	44.158.842

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% trong 12 năm từ năm 2006 đến năm 2017 đối với các hoạt động chính tại khu công nghiệp. Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo được quy định tại Điều 36, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004, Nghị định số 164/2003/NĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty mẹ có thu nhập tính thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty mẹ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2015: 22%).

41. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê đất tại Quận Tân Phú – Thành phố Hồ Chí Minh và phí quản lý tại Khu công nghiệp Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh.

Các điều khoản hợp đồng và phí thuê được quy định cụ thể tại mỗi hợp đồng.

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của kỳ báo cáo trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	114.290.463.072	153.530.498.145
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.572.615.768	46.059.149.444
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	85.717.847.304	107.471.348.701
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.099.501	49.099.501
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.746	2.189

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 và 27 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.285.063.669.715	1.158.067.908.829
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(96.377.125.372)	(88.198.067.189)
Nợ thuần	1.188.686.544.343	1.069.869.841.640
Vốn chủ sở hữu	915.571.999.575	895.692.312.728
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1.30	1.19

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.377.125.372	88.198.067.189
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.659.066.372	156.952.762.290
Các khoản đầu tư	3.242.600.000	2.767.600.000
	475.778.791.744	252.418.429.479
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	118.690.467.223	54.519.142.722
Các khoản vay	1.166.373.202.492	1.103.548.766.107
Phải trả người bán và phải trả khác	261.045.271.574	221.040.634.054
Chi phí phải trả	11.807.572.324	31.964.913.478
	1.557.916.513.613	1.411.073.456.361

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc

xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	347.441.508.137	180.370.962.437	1.178.421.221.690	1.031.735.997.041
Euro (EUR)	5.014.786	5.400.842	-	3.492.919.125
Yên Nhật (JPY)	18.881.423	18.421.424	-	11.636.780.000
Won Hàn Quốc (KRW)	-	-	-	282.188.079
	347.465.404.346	180.394.784.703	1.178.421.221.690	1.047.147.884.245

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	41.548.985.678	42.568.251.730

Áp dụng phân tích tương tự đối với Euro, Yên Nhật và Won Hàn Quốc, mức tăng/giảm của Euro, Yên Nhật và Won Hàn Quốc không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 23.327.464.050 đồng (năm 2015: 22.070.975.322 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phần do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phần đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phần bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phần như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phần là không đáng kể.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.377.125.372	-	96.377.125.372
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.500.000.000	-	29.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.624.066.372	35.000.000	346.659.066.372
Các khoản đầu tư	-	3.242.600.000	3.242.600.000
	472.501.191.744	3.277.600.000	475.778.791.744
Các khoản nợ thuê tài chính	41.398.902.387	77.291.564.836	118.690.467.223
Các khoản vay	852.115.322.666	314.257.879.826	1.166.373.202.492
Phải trả người bán và phải	261.045.271.574	-	261.045.271.574
Chi phí phải trả	11.337.687.924	469.884.400	11.807.572.324
	1.165.897.184.551	392.019.329.062	1.557.916.513.613
Chênh lệch thanh khoản thuần	(693.395.992.807)	(388.741.729.062)	(1.082.137.721.869)

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.198.067.189	-	88.198.067.189
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.917.762.290	35.000.000	156.952.762.290
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
	249.615.829.479	2.802.600.000	252.418.429.479
Các khoản nợ thuê tài	29.895.578.348	24.623.564.374	54.519.142.722
Các khoản vay	787.968.577.279	315.580.188.828	1.103.548.766.107
Phải trả người bán và phải	221.040.634.054	-	221.040.634.054
Chi phí phải trả	31.964.913.478	-	31.964.913.478
	1.070.869.703.159	340.203.753.202	1.411.073.456.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	(821.253.873.680)	(337.401.153.202)	(1.158.655.026.882)

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng. Hạn mức tín dụng còn lại của các khoản vay có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 27.

44. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
E-land Asia Holdings Pte Ltd	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty liên kết
Eland World Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion Hong Kong Co., Ltd. - Taiwan Branch	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Retail Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Wish Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion India PVT.Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Elphis Lanka (PVT) Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Apperel LTD	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Bán hàng</u>		
Eland World Limited	612.340.923.450	547.723.166.173
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	31.281.841.026	173.302.392.515
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	58.477.611.824	75.533.795.546
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	195.584.327.716	110.819.984.998
Eland Fashion Hong Kong Co., Ltd. - Taiwan Branch	594.627.341	389.940.189
Wish Fashion (Shanghai) Co., Ltd		19.806.415.435
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	178.803.734	10.031.040
Eland Fashion Hong Kong Limited	18.771.904.562	20.574.309.122
Eland Retail Limited	10.074.405.926	779.483.161
Công ty TNHH Eland Việt Nam	1.956.002.017	647.005.234
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	714.207.413	-
Eland Fashion India PVT.Ltd	55.761.300	-
	<u>930.030.416.309</u>	<u>949.586.523.413</u>
<u>Mua hàng</u>		
Eland World Limited	8.784.883.834	45.539.875.591
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	55.890.931.320	141.438.650.163
Công ty TNHH Eland Việt Nam	3.914.296.321	2.327.152.594
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	2.391.451.107	114.111.270
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	2.083.003.549	3.357.174.624
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	4.235.756.059	1.370.300.852
Eland Fashion India PVT.Ltd	32.060.117.383	-
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	1.145.256.108	-
Elphis Lanka (PVT) Ltd	562.206.150	-
Eland Apperel LTD	751.068.000	-
	<u>111.818.969.831</u>	<u>194.147.265.094</u>
<u>Lãi vay</u>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	<u>1.004.845.470</u>	<u>1.535.197.469</u>
<u>Cổ tức công bố cho</u>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	<u>21.270.799.000</u>	<u>25.524.958.800</u>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>11.783.779.578</u>	<u>9.369.335.041</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MAU SƠ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	1.025.765.103	1.543.419.990
Eland Fashion Hong Kong Ltd	811.080.534	1.130.604.900
Eland World Limited	177.325.907.573	47.517.326.523
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	4.870.277.282	3.085.948.489
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	27.022.237.538	21.935.155.050
Eland Fashion Hong Kong Co., Ltd. - Taiwan Branch	64.048.050	175.475.935
Eland Retail Limited	148.730.400	-
Eland Vietnam Co., Ltd.	44.590.145	-
	211.312.636.625	75.387.930.887
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Thành Chí	2.081.900.000	1.040.950.000
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	5.945.126.341	31.397.592.759
Eland World Limited	-	11.922.392.020
Wish Trading (Shanghai) Co.Ltd	2.592.835.393	107.343.157
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	219.400.252	24.015.646
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	141.098.855	298.310.408
	8.898.460.841	43.749.653.990
Vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	125.345.000.000	157.640.000.000
Lãi vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	7.363.047.212	6.212.814.898

45. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

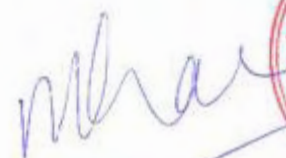
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.710.458.417 đồng (năm 2015: 1.350.878.896 đồng), là số tiền lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm 309.928.896 đồng là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 8.331.255.245 đồng (năm 2015: 6.793.211.074 đồng), là số tiền lãi trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 538.635.065 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản tiền 8.335.321.920 đồng (năm 2015: 118.884.570 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi trả cổ tức đã bao gồm 118.884.570 đồng là số tiền cổ tức của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập


Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng


Kim Đông Jù
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 3 năm 2017



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

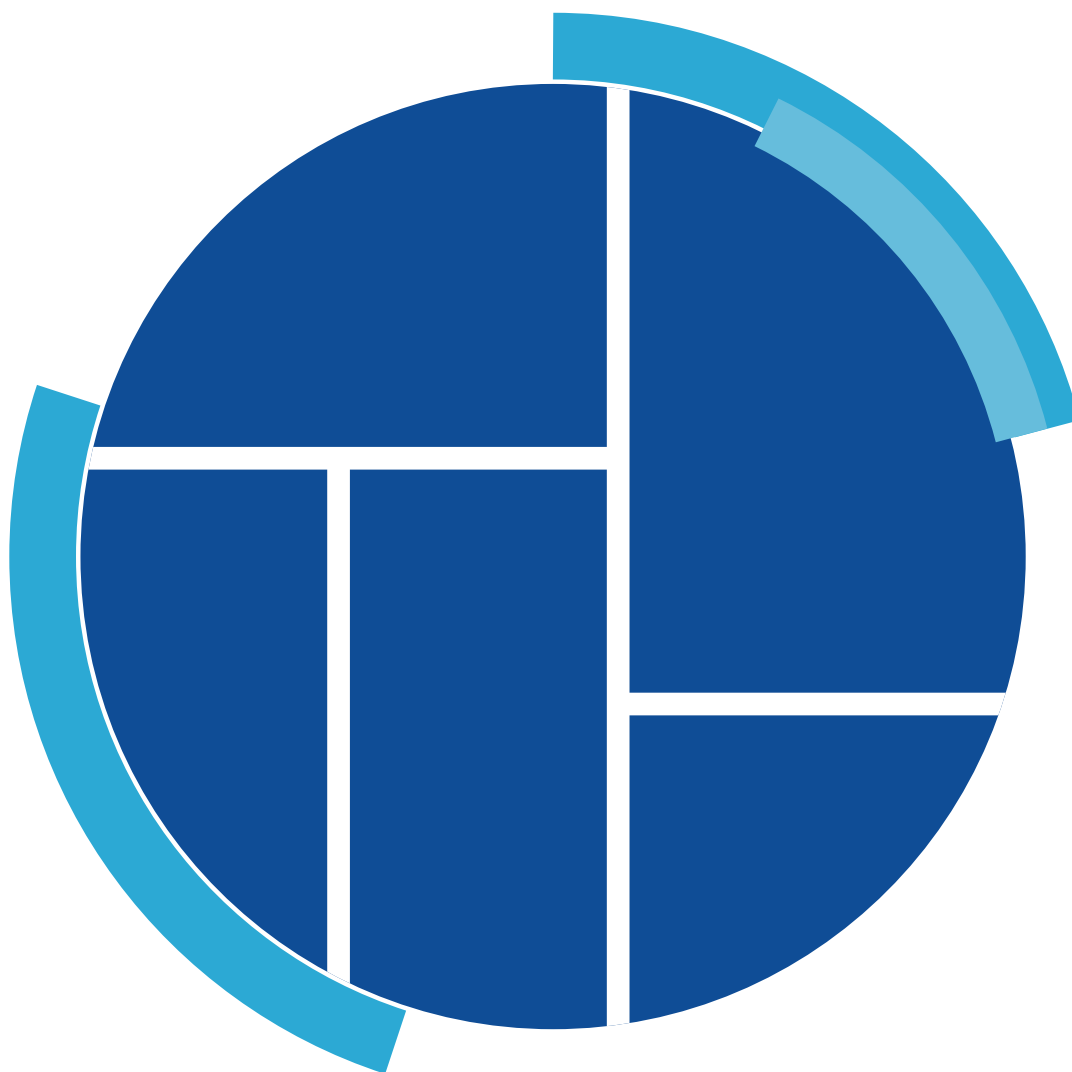
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

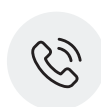


KIM DONG JU





36 Tây Thạnh,
Phường Tây
Thạnh, Quận
Tân Phú, Thành
phố Hồ Chí
Minh.



Điện thoại:
(84-8) 3815 3962
(84-8) 3815 4001
Fax:
(84-8) 3815 2757
(84-8) 3815 4008



E-mail:
tcm@thanhcong.com.vn